

NGUYỄN-BÁ-LƯƠNG

Giáo-sư cũ-nhà

Trường Trung-học Nguyễn-Trãi

LUẬN-ĐỀ
CÔNG-DÂN
GIÁO-DỤC

THI TRUNG-HỌC ĐỆ-NHẤT-CẤP

— NHÀ XUẤT-BẢN —

TAO-DÀN



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : LUẬN-ĐỀ CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC

Tác giả : NGUYỄN-BÁ-LƯƠNG

Nhà xuất bản : TAO ĐÀN

Năm xuất bản : 1960

Nguồn sách : scmn-vietnam.blogspot.com

Đánh máy : Đỗ Trung Thực

Kiểm tra chính tả : Trần Lê Nam, Vũ Minh Anh

Biên tập ebook : Thư Vỡ

Ngày hoàn thành : 26/08/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỔ HÓA 1000 QUYỀN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả NGUYỄN-BÁ-LƯƠNG và nhà xuất bản
TAO ĐÀN đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý
giá.**

MỤC LỤC

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

ĐỀ I

I. HƯỚNG DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Những yếu-tố cấu thành quốc-gia
- 2) Sự liên-hệ mật-thiết giữa 3 yếu-tố

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

ĐỀ II

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính là gì ?
- 2) Tại sao chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính cần phối-hợp với tinh-thần dân-chủ

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

ĐỀ III

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Thế nào là độc-lập quốc-gia ?
- 2) Độc-lập không có nghĩa là biệt-lập

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

ĐỀ IV

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Hiến-pháp là gì ?
- 2) Một chế-độ dân-chủ phải xây dựng trên nền tảng hiến-pháp

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ.

ĐỀ V

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

1) Sự khác biệt giữa 2 chế-độ quân-chủ chuyên-chế và lập-hiến

2) Tại sao chế-độ quân-chủ không thể ngăn cản được bước tiến của nhân-loại trên con đường dân-chủ

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ.

ĐỀ VI

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

1) Độc tài là gì ?

2) Tại sao dân chủ lại là phương thuốc hiệu nghiệm để chống nạn độc-tài

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ.

ĐỀ VII

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

1) Thế nào là chính-thể cộng-hòa ?

2) Chính-thể cộng-hòa cần phải có nội-dung dân chủ mới tồn-tại lâu bền

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ.

ĐỀ VIII

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

1) Thế nào là tự-do cá-nhân và tự do chính-trị

2) Sự khác nhau giữa 2 quyền tự-do cá-nhân và chính-trị

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI.

ĐỀ IX

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Kỷ-luật là một phương-tiện để bảo-vệ tự-do con người
- 2) Kỷ-luật không thể phá-hoại tự-do và nô-lệ hóa con người

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI.

ĐỀ X

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Tự-do tư-tưởng và hướng-dẫn tư-tưởng
- 2) Tại sao dưới chế-độ dân-chủ cũng cần phải có hướng dẫn tư-tưởng

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI.

ĐỀ XI

I. HƯỚNG DẪN

II. KHAI TRIỂN

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI.

ĐỀ XII

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Vì sao quyền tự-do báo-chí lại được triệt-để tôn-trọng
- 2) Trong những trường hợp nào quyền tự do báo chí có thể bị hạn chế ?

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI.

ĐỀ XIII

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

ĐỀ XIV

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Phân-biệt tần-tiện và hà-tiện
- 2) Tần-tiện có lợi gì cho nhà cho nước ?

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

ĐỀ XV

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Thế nào là quyền làm việc ?
- 2) Phạm-vi của quyền làm việc

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

ĐỀ XVI

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Luật-pháp công-minh và nhà cầm-quyền chính-trực
- 2) Tại sao luật-pháp công-minh và nhà cầm-quyền liêm-chính, nước lại được an-ninh và thịnh-vượng ?

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

ĐỀ XVII

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Thế nào là tình yêu nước mù quáng và hậu-quả của nó là gì ?
- 2) Cần phải phối-hợp tình yêu nước với tình yêu nhân-loại

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ.

ĐỀ XVIII

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Sự cần-thiết và hợp lý của chế-độ quân dịch
- 2) Quân-dịch là một vinh-dự lớn cho người công-dân

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ.

ĐỀ XIX

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Thế nào là một chính-sách thuế khóa ?
- 2) Tại sao một chính-sách thuế-khoá công-bình và hợp lý lại làm cho quốc-gia chóng trở nên giàu mạnh ?

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ.

ĐỀ XX

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Bầu-cử là một quyền-lợi
- 2) Bầu cử là một nhiệm-vụ công-dân

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ.

ĐỀ XXI

I. HƯỚNG-DẪN

II. KHAI TRIỂN

- 1) Những điểm bào chữa cho quan-niệm trên
- 2) Những điểm phản-đối quan-niệm trên

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ.

NGUYỄN-BÁ-LƯƠNG
Giáo-sư cử-nhân
Trường Trung-học Nguyễn-Trãi
LUẬN-ĐỀ CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC
Thi Trung-học Đệ-nhất-cấp
NHÀ XUẤT-BẢN TAO ĐÀN

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

TẬP LUẬN-ĐỀ CÔNG-DÂN ĐỆ-TỨ này ra đời với mục-đích là giúp cho học sinh đi thi ý-niệm được thế nào là một vấn-đề công-dân, và cách giải-quyết vấn-đề đó. Học-sinh sẽ làm quen với những luận-đề này như là đã làm quen các luận-đề luân-lý, văn-chương. Thực ra hai phương-pháp cũng không có gì khác nhau. Học sinh chỉ cần hiểu những bài mình đã học trong năm và với phương-pháp chung cho các loại luận-văn là có thể làm được một luận đề công-dân.

Trong tập luận-đề này tác-giả theo một phương-pháp duy nhất để học sinh dễ theo.

*Trước tiên có một phần **hướng-dẫn** ; phần đó tác-giả nói qua bài phải làm như thế nào. Vậy đọc xong phần này, học sinh hãy dừng lại suy nghĩ kỹ trước khi xem bài khai-triển ở dưới.*

*Sau đó đến **dàn-bài**. Nên chú ý là bao giờ tác-giả cũng tìm cách chia thân bài làm 2 phần để giải-quyết. Khi làm bài, học sinh cũng nên theo lối phân đoạn như vậy.*

*Sau cùng là phần **khai-triển**. Trong phần này có khi tác-giả cố ý làm thành một bài văn hãn hoi cốt để làm mẫu cho học sinh, có lúc tác-giả làm dưới hình-thức một dàn bài chi tiết có ghi rõ 1, 2, 3 hoặc A, B, C. Khi làm bài, học sinh không nên theo vì lối đó chỉ có mục-đích gợi ý cho học sinh, còn bài làm thì cần phải mạch lạc, không thể vụn vặt rời rạc. Học-sinh nên nhớ rõ điều đó và không nên nhầm 2 loại,*

lúc làm bài đừng nên chia cắt một cách máy móc và cần chuyển tiếp khéo léo giữa đoạn nọ và đoạn kia.

Sau mỗi bài mẫu có một sở đề-tài công-dân đề-nghị. Học sinh nên theo phương-pháp trên tập làm những dàn bài và tập làm bài, nếu có những chỗ quên hoặc khó giải quyết hãy dở sách ra xem lại.

Với cách làm việc đó, học sinh sẽ không sợ vấp phải những luận đề công-dân lúc đi thi.

Sau cùng tác-giả xin nhắc lại để các thí sinh T.H.Đ.N.C rõ là theo chương-trình mới trong các môn thi viết có một bài luận về Công-dân Giáo-dục hoặc Sử-Địa với hệ số 2, thời hạn 2 giờ.

Rất mong tập luận đề nhỏ này có thể giúp ích các học-sinh một phần nào trong việc luyện-thi.

Saigon ngày 10-9-1960

TÂN-PHONG

ĐỀ I

« Những yếu-tố cấu thành quốc-gia là những yếu-tố gì ?
Những yếu-tố đó có liên-quan mật-thiết với nhau như thế
nào ? »

I. HƯỚNG DẪN

Ý chính của bài này là sau khi giải-thích các yếu-tố cấu thành quốc-gia, nêu rõ sự liên-quan mật-thiết giữa các yếu-tố đó. Vậy dàn bài có thể chia làm hai phần :

- Những yếu-tố cấu thành quốc-gia.
- Sự liên-quan mật-thiết giữa các yếu-tố đó.

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Thế-giới cấu thành bởi nhiều quốc-gia. Mỗi quốc-gia có một đời sống riêng biệt, khi thì hưng thịnh, khi thì suy-vong. Vậy ta hãy thử xét xem những yếu-tố gì đã tạo nên một quốc-gia và làm cho quốc-gia đó tồn vong.

Thân bài :

1) Những yếu-tố cấu thành quốc-gia

Một quốc-gia là một tập-thể xã-hội gồm những người cùng chung một dân-tộc, cùng sống chung trên một lãnh-thổ và cùng chịu sự chi-phối của một chính-quyền. Vậy 3 yếu-tố cấu thành quốc-gia là : Dân-tộc – Lãnh-thổ – Chính-quyền.

a) Dân-tộc : Những người cùng chung một dân-tộc thường hợp thành một quốc-gia. Cùng chung một dân-tộc

nghĩa là cùng chung một nòi giống, một nguồn-gốc, một lịch-sử, một văn-minh, ngoài ra một dân-tộc thường còn có một tiếng nói chung, những phong-tục và tập-quán chung. Tuy-nhiên phong-tục tập-quán có thể thay đổi từ địa-phương nọ qua địa-phương kia. Tiếng nói cũng có khi không giống nhau (thí-dụ người Trung-Hoa miền Bắc và miền Nam không hiểu tiếng nói của nhau). Đôi khi yếu-tố tôn-giáo cũng rất cần-thiết (Ấn-độ theo Ấn-độ-giáo). Dân-tộc Việt-Nam là một dân-tộc tương-đối thuần-nhất.

b) Lãnh-thổ : Lãnh-thổ là một khoảng đất-đại trên đó một số người sinh sống làm ăn. Những người đó hoặc cùng chung một dân-tộc hoặc cùng sống chung dưới một chính-quyền.

Một quốc-gia có một lãnh-thổ rộng lớn dễ trở nên một quốc-gia giàu mạnh. Trái lại lãnh-thổ nhỏ bé hạn-chế rất nhiều khả-năng của một quốc-gia (thí-dụ : Hoa-kỳ, Nhật-Bản).

Biên-giới là đường ngăn cách giữa 2 hay nhiều quốc-gia. Ranh giới không rõ ràng thường là đầu mối cho những cuộc tranh chấp lãnh-thổ. Khoảng biển tiếp giáp với lãnh-thổ quốc-gia gọi là lãnh-hải : theo quy-định quốc-tế hiện nay hải-phận một nước rộng ba cây số.

c) Chính-quyền : Đó là một tổ-chức có uy-quyền và cũng có nhiệm-vụ bảo-vệ đời sống của những người cùng chung một dân-tộc hay cùng sống chung trên một lãnh-thổ. Chính-quyền trở nên cần-thiết khi người ta bắt đầu sống thành xã-hội, vì không có nó thì không có trật-tự an-ninh.

Chính-quyền một nước thường gồm có quyền lập-pháp và tư-pháp. 3 quyền đó nếu tập trung trong tay một người thì chính-quyền sẽ dễ trở nên áp bức. Vì thế nên trong các nước dân-chủ người ta thường chia nó ra cho-3 cơ-quan khác nhau.

2) Sự liên-hệ mật-thiết giữa 3 yếu-tố

a) Một dân-tộc không thể tạo thành một quốc-gia nếu không có một lãnh-thổ chung để sinh sống làm ăn. Thí-dụ : Trước thế-chiến lần thứ hai : tuy có một dân-tộc Do-thái nhưng không có một quốc-gia Do-thái vì không có một lãnh-thổ Do-thái.

b) Một dân-tộc nếu do nhiều chính-quyền khác nhau-điều-khiển thì sẽ chia ra làm nhiều quốc-gia khác nhau : Ví dụ : dân-tộc Nhật-Nhĩ-Mản hợp bởi 2 quốc-gia Đức và Áo.

c) Nếu một dân-tộc sống rời rạc, không được tổ-chức dưới một hình-thức chính-quyền, dân-tộc đó sẽ càng ngày càng suy yếu trước sự tràn lan của những dân-tộc mạnh và có thể tàn vong. Ví dụ : dân da đỏ. Trái lại một dân tộc có sức sống mạnh được tổ-chức dưới một chính-quyền hữu-hiệu để trở thành một quốc-gia hùng mạnh. Những quốc gia thuộc loại này không còn lo ai dòm ngó lãnh-thổ mình nữa.

d) Lãnh-thổ một quốc-gia có thể mất nhưng quốc-gia vẫn còn tồn tại nếu dân-tộc vẫn còn tồn-tại vì vẫn có một chính-quyền đại-diện. Thí-dụ : Việt-Nam dưới thời Pháp thuộc vẫn còn hình-thức một quốc-gia tuy bị Pháp chiếm làm thuộc-địa vì dân-tộc Việt-Nam vẫn còn và vẫn có một chính quyền tuy rằng chính-quyền đó do ngoại-quốc chi-

phối. Chính-phủ Trung-hoa Quốc-gia đóng ở Đài-Loan vẫn là đại-diện hợp-pháp của dân-tộc Trung-hoa mặc dầu lãnh-thổ Trung-hoa đang bị chính-quyền Trung-Cộng cai-trị. Tình trạng trên chỉ có thể tồn-tại nếu hy-vọng thu-hồi hoặc tái-chiếm lãnh-thổ vẫn còn. Nếu hy-vọng đó tiêu-tan thì chính quyền không thể còn lý-do tồn-tại và dân-tộc sẽ dần dần suy yếu và có thể bị đồng-hóa với dân-tộc mạnh hoặc sống mãi mãi trong tình trạng nô-lệ. Thí-dụ dân-tộc Chàm ở Việt-Nam xưa kia là quốc-gia Chiêm-Thành.

Kết-luận : Qua những điểm trên ta thấy 3 yếu-tố đó có liên-hệ mật-thiết với nhau. Thiếu một yếu-tố cũng khó lòng mà tạo thành một quốc-gia.

Một trường-hợp đơn-giản nhất và cũng lý-tưởng nhất là một quốc-gia hợp thành bởi một dân-tộc sống chung trên một lãnh-thổ, dưới một chính-quyền.

Bởi thế cho nên ngày nay để tránh hiểm-họa chiến-tranh, người ta thường đề-cao một nguyên-tắc đã được vị lãnh-tụ của thế-giới tự-do là cố tổng-thống Mỹ Rossevelt và cựu thủ-tướng Anh Churchill long-trọng xác nhận : Đó là nguyên-tắc dân-tộc tự-quyết đã được nêu cao trong bản Hiến-Chương Đại-Tây-Dương.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) *Trong ba yếu-tố cấu thành quốc-gia, yếu-tố nào quan-trọng nhất? Tại sao?*

2) *Người ta thường nói : « mỗi quốc-gia phải có một lãnh-thổ ». Vậy lãnh-thổ là gì? Vì sao người công dân phải*

quyết-tâm bảo-vệ lãnh-thổ ?

3) Dân-tộc Việt-Nam là một dân-tộc thuần nhất và có một sức sống mãnh-liệt. Anh hay chị hãy chứng-minh điều đó.

ĐỀ II

« Thế nào là chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính ? Chủ-nghĩa quốc-gia đó có cần phải phối-hợp với tinh-thần dân-chủ không ? Tại sao ? »

I. HƯỚNG-DẪN

Điểm trước tiên là ta cần phải xác-định xem thế nào là một chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính.

Sau đó ta sẽ xét xem chủ-nghĩa đó có cần phải đi đôi với tinh-thần dân-chủ không. Trong trường-hợp tinh-thần dân-chủ không được phát-huy thì chủ-nghĩa quốc-gia có giữ được tính-cách chân-chính không ? Tại sao ? Vậy tinh-thần dân-chủ đã có sức mạnh gì để củng-cố chủ-nghĩa quốc-gia ? Đó là những câu hỏi ta cần phải đặt để giải-quyết vấn-đề một cách rõ-ràng minh bạch. Vậy thân bài ta cần phải chia làm 2 phần :

- Xác-định thế nào là chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính.
- Phối-hợp chủ-nghĩa quốc-gia với tinh-thần dân-chủ.

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Ngày nay người ta thường đối-lập chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính với chủ-nghĩa cộng-sản vô gia-đình, vô tổ-quốc và người ta thường cho rằng : nếu những người cầm vận mệnh một nước mà có tinh-thần quốc-gia chân-chính thì nước đó sẽ chóng trở nên giàu mạnh. Vậy thế nào là một chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính ?

Thân bài :

1) Chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính là gì ?

Chủ-nghĩa quốc-gia thực ra là một ý-thức hệ mới được đề-cập tới từ non một thế-kỷ nay. Xưa kia người ta chỉ nói tới một tinh-thần quốc-gia. Một người có tinh-thần quốc-gia là một người biết thương nước, yêu nòi, biết để quyền-lợi quốc-gia mình lên trên bất cứ một thứ quyền-lợi nào khác, nếu cần có thể hy-sinh thân-thể sự-nghiệp mình cho tổ-quốc non sông. Cái tinh-thần quốc-gia đó trước sự phát-triển của chủ-nghĩa đế-quốc và chủ-nghĩa cộng-sản dần dần kết-tinh lại thành một chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính.

Nó chủ-trương :

a) Mỗi dân-tộc phải được tự-quyết nghĩa là tự mình quyết-định lấy số phận của mình. Áp-dụng nguyên-tắc dân-tộc tự-quyết tức là mỗi quốc-gia gồm một dân-tộc và dân-tộc đó phải có một đời sống độc-lập. Một dân-tộc mạnh không thể tự cho mình cái quyền đi xâm lấn các dân-tộc nhược-tiểu, bắt các dân-tộc đó phải khuất-phục mình.

b) Mỗi quốc-gia phải có một lãnh-thổ riêng-biệt, phải có chủ-quyền trên lãnh-thổ đó, các Quốc-gia đều phải tôn-trọng lãnh-thổ, chủ-quyền của nhau, không chủ-trương xâm lăng và cũng không để cho ai xâm lăng mình.

c) Trong phạm-vi quốc-gia, quyền-lợi của quốc-gia và dân-tộc phải đặt lên trên hết mọi quyền-lợi, cá nhân và đảng-phái. Nếu cần-thiết, phải hy-sinh quyền-lợi cá-nhân dù to lớn đến đâu cho quyền-lợi tối-cao của tổ-quốc. Không vì lợi-ích của cá-nhân hay đảng-phái mà làm hại cho quốc-

gia dân-tộc. Tội phản-quốc là tội nặng nhất không thể tha thứ được.

Nhưng ta cần phân-biệt chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính với chủ-nghĩa quốc-gia quá-khích. Những người quốc-gia quá-khích thường chỉ trông thấy quyền-lợi của dân-tộc mình mà không thấy quyền-lợi của dân-tộc khác, chỉ biết đến nước mình mà không kể gì đến các nước xung quanh, đến nhân-loại nói chung. Chủ-nghĩa quốc-gia trở nên hẹp hòi. Sự đố kỵ giữa các dân-tộc tăng gia thêm. Tinh-thần bài ngoại phát-triển. Tình trạng cá lớn nuốt cá bé luôn luôn xảy ra và hòa-bình thế-giới khó duy-trì. Trong phạm-vi một nước, chủ-nghĩa quốc-gia hẹp-hòi sẽ đưa đến nhiều sự chia rẽ giữa những phần-tử quá-khích và những phần-tử ôn-hòa. Quốc-gia sẽ suy yếu dần vì thiếu sự đoàn-kết bên trong và cô-lập ở bên ngoài.

2) Tại sao chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính cần phối-hợp với tinh-thần dân-chủ

Nhà cách-mạng Trung-Hoa Tôn-Dật-Tiên đã chủ-chương 3 nguyên-tắc : dân-tộc độc-lập – dân-quyền tự-do – dân sinh hạnh-phúc (tức là chủ-nghĩa tam-dân).

Khẩu-hiệu trên có nghĩa là dân-tộc phải phối-hợp với dân-chủ để tạo nên một chủ-nghĩa quốc-gia thực sự.

Lý-do của sự phối-hợp :

a) Tình yêu nước phải phối hợp với tình yêu thương đồng bào. Có yêu thương đồng-bào thì mới nghĩ đến thực hiện tự-do dân chủ và đem lại hạnh-phúc cho tất cả mọi người. Yêu nước mà xa dân là yêu nước suông.

b) Nếu người dân được hưởng tự-do dân-chủ thì họ lại càng bảo-vệ tự-do dân-chủ một cách tha-thiết hơn, họ lại càng yêu quê hương xứ sở đã đem lại quyền-lợi cho họ. Tinh-thần quốc-gia một nước cộng-hòa khó tiêu diệt hơn là tinh-thần quốc-gia của một nước quân-chủ chuyên-chế. Khi dân chúng chán ghét một chế-độ độc-tài phản dân, họ rất có thể thờ-ơ trước sự xâm lăng của một kẻ thù khôn khéo.

c) Những kẻ tự cho mình là quốc-gia mà lại có những hành-động phản tự-do, phản dân-chủ, không đếm xỉa đến quyền-lợi và hạnh-phúc của đồng-bào là những kẻ quốc-gia giả hiệu, dùng cái chiêu-bài quốc-gia để che dấu những tham-vọng nhiều khi xấu xa của họ. Khi mặt nạ họ bị gỡ, họ sẽ dễ dàng trở nên phản quốc. Kinh-nghiệm chính-trị trong mấy năm qua cho ta thấy rõ điều đó (Chế độ Bảo-đại, Nguyễn-văn-Tâm).

d) Dưới thời phong-kiến, bọn vua chúa chỉ nói đến dân-chủ để mị dân. Thực ra quyền-lợi của triều-đình mới là quan-trọng. Quyền-lợi đó bị đụng chạm, họ rất dễ dàng cấu-kết với ngoại bang để chống lại dân chúng và quốc-gia họ : kinh-nghiệm lịch-sử đã nhiều lần chứng tỏ như vậy.

e) Ngoại bang thường hay lợi-dụng tinh-thần quốc-gia hẹp-hòi hay hứa hẹn dân-chủ suông để chống lại những phong-trào quốc-gia chân-chính và những cuộc vận-động dân-chủ thực-sự. Họ sẽ dễ dàng thành công nếu ta không phối-hợp được tinh-thần dân chủ và tinh-thần quốc-gia.

Qua những điểm trên ta nhận thấy dân-chúng càng hiểu rõ quyền lợi và bổn-phận họ bao nhiêu, họ càng tha-thiết

bảo-vệ đất nước họ bấy nhiêu.

Chủ-nghĩa quốc-gia phải được thực-hiện dưới một tinh-thần dân-chủ tự-do thì mới là một chủ-nghĩa quốc gia chân-chính.

Kết-luận : Việt-Nam chúng ta là một quốc-gia mới được độc-lập ta cần phải phối-hợp chặt chẽ tinh thần quốc-gia chân-chính vì tinh-thần dân-chủ thực-sự mới mong bài phong, phản thực hữu hiệu.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) *Dân-tộc Việt-Nam có một lịch sử đấu tranh rất vẻ vang. Anh hãy phân-tách vì sao và có thể dự đoán được gì về tương-lai (xoay quanh mấy yếu-tố cấu thành quốc-gia).*

2) *Thế nào là nguyên-tắc « Dân-tộc tự-quyết ». Nguyên-tắc này từ xưa có được tôn-trọng không ? Tại sao đến ngày nay nguyên tắc đó mới được người ta nhắc tới ? (xem Công-dân đệ-tứ, cùng một tác-giả).*

3) *Tình yêu nước mù quáng đưa đến những hậu quả gì ? Ta phải làm thế nào để cho tình yêu nước phù-hợp với tinh thần dân-chủ ?*

ĐỀ III

« Thế nào là độc-lập quốc-gia ? Độc-lập có nghĩa là biệt-lập không ? Tại sao ? »

I. HƯỚNG-DẪN

Ta cần chú-trọng trước tiên đến việc giải nghĩa thế nào là độc-lập quốc-gia, phân-biệt thứ độc-lập đó với những thứ độc-lập giả-hiệu hoặc bánh vẽ người ta thường nêu ra, phân-biệt độc-lập với tự-trị và nhấn mạnh vào sức đấu tranh để giành độc-lập. Đó là mục-tiêu của phần thứ I. Trong phần thứ II, ta sẽ cố gắng chứng tỏ là một quốc-gia không thể sống biệt-lập được để chống lại những xu-hướng quá-khích cho rằng độc lập nghĩa là không cần nhờ tới ai, dựa vào ai. Nếu có thể, ta sẽ dùng những thí-dụ cụ-thể để chứng minh điểm đó. Thí dụ cần phải chọn lọc không nên vụn vặt và quá nhiều. Vậy thân bài có thể chia ra làm 2 phần :

- Thế nào là độc-lập quốc-gia.
- Độc-lập không có nghĩa là biệt-lập.

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Nhìn vào lịch-sử Việt-Nam cận-đại ta thấy nước ta đã phải sống 80 năm dưới ách đô-hộ của người Pháp khiến cho tên tuổi hầu như bị lãng quên trên trường quốc-tế. Gần đây do sức tranh-đấu mãnh-liệt của dân-tộc Việt-Nam, nước Pháp đã phải trả lại độc-lập cho chúng ta. Nền độc-lập đó hiện nay đã được đa số nước trên thế-giới

thừa nhận. Vậy chúng ta hãy thử xét xem thế nào là độc-lập quốc-gia để xác-định rõ vị-trí của nước mình trên chính-trường quốc-tế.

Thân bài :

1) Thế nào là độc-lập quốc-gia ?

A) Một quốc-gia độc-lập tức là một quốc-gia có chủ quyền :

a) Về phương-diện đối nội, quốc-gia đó có quyền quyết-định :

- Về chế-độ chính-trị của mình (quân-chủ, dân-chủ hay độc-tài).

- Về việc tổ-chức các cơ-quan chính-quyền trong nước (phân chia các địa-hạt hành-chính, tổ-chức các cơ quan chuyên-môn).

- Về việc giải-quyết những tranh chấp giữa các công-dân với nhau hoặc giữa các công-dân và các ngoại kiều cư-trú. Quyền lãnh-sự tài phán hay trị ngoại pháp quyền không thể tồn tại được trong một quốc-gia độc-lập.

Không một nước nào (kể cả Liên-Hiệp-Quốc) có quyền can-thiệp vào việc nội-trị của một quốc-gia, đất nước đó phải chấm dứt một chính-sách này hay thi-hành một chính-sách nọ.

b) Về phương-diện đối-ngoại, Quốc-gia đó có quyền quyết định :

- Giao-kết với nước này và không giao kết với nước khác. Công-nhận nước này và không công nhận nước khác.

- Ký các hiệp ước, gia-nhập các khối liên-minh kinh-tế, chính-trị, quân-sự, v.v...

- Đoạn giao hoặc đặt quan-hệ ngoại-giao với bất cứ một nước nào trên quan-điểm hoàn toàn bình-đẳng.

Không nước nào có quyền chi-phối chính-sách ngoại-giao của nước mình, bắt mình phải tham-gia tổ-chức quốc-tế hoặc tổ-chức quốc-tế khác.

Một quốc-gia tự-trị chưa phải là một quốc-gia hoàn-toàn độc-lập bởi vì quốc-gia tự-trị còn phải phụ-thuộc vào chính-quốc về nhiều phương-diện : thí-dụ như phương-diện quân-sự, phương-diện ngoại-giao hoặc phương-diện tài-chính. Trường-hợp các thuộc-quốc của Anh (dominion) : nhưng thường thường một quốc-gia đã được tự-trị rồi thì sẽ dần dần tiến tới độc-lập.

B) Nếu độc-lập của một nước phải do chính nhân-dân nước đó tranh-thủ mới giành được. Có thể tranh thủ bằng nhiều cách :

a) Có thể bằng võ-trang tranh-đấu như trường hợp Nam-Dương, Việt-Nam, Ái-Nhĩ-Lan, và Algérie hiện nay.

b) Có thể bằng đường lối ngoại giao ôn-hòa, ví-dụ như Miến-Điện, Ấn-Độ, Phi-Luật-Tân.

Đường-lối tranh-đấu tuy có khác nhau nhưng tại các nước đó, các nhà lãnh-đạo dân-tộc sẽ không thể nào thu được thắng-lợi nếu không có hậu-thuần mạnh mẽ của toàn-dân. Tranh-đấu ôn-hòa không được thì phải dùng võ-trang tranh-đấu cho đến khi nào giành được độc-lập hoàn-toàn

mới thôi. Sự tranh đấu đó thường đòi hỏi nhiều sự hy-sinh của toàn-dân. Nếu toàn-dân không giác-ngộ quyền-lợi quốc-gia thì đấu-tranh sẽ thất bại (lịch-sử đấu-tranh của Việt-Nam). Một nền độc-lập được người ta trả cho mình một cách quá dễ dàng trong khi mình chưa đủ khả-năng tự-trị, các nhà lãnh-đạo chưa đủ tài-năng thường là một nền độc-lập giả-hiệu hay bánh vẽ. Nền độc-lập đó, họ có thể lấy lại bất cứ lúc nào vì mình không đủ khả-năng bảo-vệ lấy nó : Ví-dụ : Nền độc-lập giả-hiệu mà Pháp đã ban cho Bảo-Đại do bản hiệp-ước 8-3-1949.

2) Độc-lập không có nghĩa là biệt-lập

Một nước độc-lập không có nghĩa là đứng biệt-lập hẳn không liên-lạc với bất cứ một nước nào.

a) Trước hết nền độc-lập của một quốc-gia chỉ được củng-cố một cách thực sự nếu được quốc-tế công-nhận : Ví dụ : nền độc lập của Việt-Nam đã được hơn 30 nước trên thế-giới công-nhận.

b) Một nước độc-lập phải giao-dịch thường xuyên với các nước khác ; có thể ký kết các hiệp-ước tự ràng buộc mình về một phương-diện nào đó để được hưởng một quyền-lợi gì : giao-dịch kinh-tế, văn-hóa, trao đổi kiều dân, buôn bán, giao thông...

Để tự bảo-vệ mình một cách hữu hiệu hơn, một quốc-gia có thể ký kết các liên-minh quân-sự, tham-gia các khối (khối Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương, khối Phòng-thủ Đông-Nam-Á). Do đó có thể hạn chế một phần nào tự-do hoạt-động của mình như là chịu theo một đường lối chung nhiều

khi có thiệt hại đôi chút cho mình : để cho các quốc-gia khác đóng quân hoặc lập căn-cứ quân-sự trên đất mình.

Hiện nay trên thế-giới không có một nước nào có thể tự-hào đứng một mình không cần đến các nước khác : kể cả Hoa-kỳ là nước giàu mạnh nhất.

Vậy ta không thể nào quan niệm độc-lập như là biệt-lập và đóng cửa không chịu giao tiếp với các nước ngoài.

Chính-sách bế-quan tỏa cảng của nước ta ngày xưa đã đem lại nhiều hậu quả tai hại.

Chánh sách đó sẽ làm cho ta bị cô-lập trên trường quốc-tế, không tiếp nhận được các kinh-nghiệm của nước ngoài, sẽ dần dần trở nên lạc-hậu và làm mồi cho sự xâm lăng của các nước khác.

Kết-luận : Quốc-gia phải độc-lập thì mới bảo-vệ được quyền-lợi của mình trên trường quốc-tế và mới chóng trở nên giàu mạnh. Nhưng độc-lập không có nghĩa là biệt-lập. Ta phải hòa mình sống trong đại-gia-đình các nước trên thế giới ; muốn được hưởng những quyền-lợi do quốc-tế đem lại cho chúng ta, chúng ta phải thu nhận những nhiệm-vụ quốc-tế : những nhiệm-vụ đó không làm cho ta phụ-thuộc vào bất cứ một nước nào và nền độc-lập quốc-gia không những không bị sút mẻ mà còn được củng-cố thêm.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) Tại sao các nước trên thế-giới cần phải sống thân thiện với nhau ? Anh hãy cho biết tình thân hữu quốc-tế đem lại những lợi ích gì cho nhân-loại.

2) Chính-sách bài ngoại và kỳ-thị chủng-tộc có thể tồn tại mãi trên thế-giới ngày nay không. Tại sao ? (Nêu những thí dụ lịch-sử để chứng tỏ).

ĐỀ IV

« Hiến-pháp là gì ? Có mấy loại hiến-pháp ? Tại sao một chế-độ dân-chủ thực-sự phải xây dựng trên nền tảng hiến-pháp ».

I. HƯỚNG-DẪN

Việc trước tiên ta phải đề-cập là tìm hiểu thế nào là hiến-pháp, hiến-pháp do cơ-quan nào lập ra và muốn sửa đổi nó thì phải làm thế nào, hiến-pháp có mấy loại. Sau đó ta sẽ giải-quyết vấn-đề tại sao một chế-độ dân-chủ thực-sự phải xây dựng trên nền tảng hiến-pháp. Ta sẽ có dịp chứng minh những chế-độ không có hiến-pháp là những chế-độ chuyên-chế nhất. Nhưng cũng có những chế-độ mà hiến-pháp chỉ là một cái mộc che đậy cho những hành-động phản dân, chứ bên trong, nói khác hiến-pháp chỉ là một tờ giấy lộn. Vậy hiến-pháp được thành-lập là cốt để bảo-vệ dân-chủ và dân-chúng phải có tinh-thần dân-chủ thực-sự thì mới bảo vệ được hiến-pháp. Vậy thân bài có thể chia làm 2 phần :

- *Thế nào là hiến-pháp (bài học).*
- *Một chế-độ dân-chủ phải xây-dựng trên nền-tảng hiến-pháp (cần nhiều suy-luận).*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Người ta thường nói : « Một nước không có hiến-pháp không phải là một nước văn-minh ». Hơn nữa người ta lại còn nói : Muốn có tự-do dân chủ, phải có hiến-

pháp. Vậy hiến-pháp là gì ? Tại sao hiến-pháp lại là nền tảng cho một chế-độ dân-chủ tự-do.

Thân bài :

1) Hiến-pháp là gì ?

a) Định nghĩa : Hiến-pháp là một văn-kiện tối cao quy định chế-độ chính-trị của quốc-gia, cách tổ-chức các quyền hành của quốc-gia và các quyền-lợi cùng nhiệm-vụ của công-dân.

Một bản hiến-pháp thường chia ra làm mấy phần chính sau đây :

Phần thứ nhất quy-định rõ chính-thể của quốc-gia và một nguyên-tắc căn bản, ví dụ như các nguyên-tắc tự-do và tôn-trọng nhân-vị.

Phần thứ hai quy-định những quyền lợi vì nhiệm-vụ của công-dân. Các quyền lợi, nhiệm-vụ này đều là bất khả xâm-phạm.

Phần thứ ba quy định cách tổ-chức và điều-hành các cơ-quan chính-quyền, việc phân-phối các quyền lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp.

Hiến-pháp phải do cơ-quan nắm giữ chủ-quyền làm ra. Ví dụ trong một nước dân-chủ hiến-pháp do Quốc-hội Lập-hiến soạn thảo và do Tổng-thống ban-bố. Muốn sửa đổi hiến-pháp cũng phải do một cơ-quan tương-đương làm : thường thường là Quốc-hội lập pháp với một đa số mạnh (đa số 2/3).

b) Có mấy loại hiến-pháp : Tùy theo tính chất, người ta có thể phân-biệt :

Hiến-pháp thành-văn và bất thành văn :

- Hiến-pháp thành văn là hiến-pháp được Quốc-hội Lập hiến soạn thảo ra thành một văn kiện có điều khoản rõ ràng : Ví dụ hiến-pháp Việt-Nam, hiến-pháp Hoa-kỳ.

- Hiến-pháp bất thành văn là những tục lệ được người ta tuân theo nhưng không được ghi trên một văn-kiện rõ ràng hoặc rải rác trong nhiều văn-kiện lẻ loi : Ví-dụ hiến-pháp nước Anh là một hiến-pháp hoàn toàn theo tục lệ. Tuy nhiên cũng có một vài đạo-luật lẻ loi có tính cách lập-hiến. Ví dụ các đạo-luật Habeas Corpus, Bill of rights và Parliament act... Trên thế-giới chỉ có nước Anh là có hiến-pháp bất thành văn.

Hiến-pháp mềm và hiến-pháp cứng :

- Hiến-pháp mềm là hiến-pháp người ta có thể sửa đổi một cách dễ dàng để cho thích-hợp với thời thế : Vì thế cho nên nó có thể tồn tại lâu bền qua bao nhiêu sự đổi thay. Ví dụ : Hiến pháp Hoa-kỳ đã tồn-tại tới nay 173 năm (từ 1783) và đã có 21 tu-chỉnh án sửa đổi.

- Hiến-pháp cứng là hiến-pháp lập ra với những điều-khoản chặt chẽ và khó lòng sửa đổi được. Bởi thế cho nên hiến-pháp khó tồn tại lâu bền và luôn luôn có những hiến-pháp khác thay thế. Ví dụ : Từ khi lập nền Cộng-hòa Pháp tới nay (1789-1960) đã có tới tất cả 13 bản hiến-pháp khác nhau : có bản chưa được áp-dụng chút nào đã bỏ (H.P.

1791) có bản áp-dụng được khá lâu (H.P. 1875 áp-dụng đến năm 1940 thì bỏ).

2) Một chế-độ dân-chủ phải xây dựng trên nền tảng hiến-pháp

Một chế-độ quân-chủ chuyên-chế hay một chế-độ độc-tài không bao giờ có hiến-pháp hay nếu có thì cũng không bao giờ được đem ra áp-dụng. (Nêu thí dụ chứng tỏ chế-độ phong-kiến ngày xưa).

Một chế-độ dân-chủ thực-sự bao giờ cũng nghĩ đến việc bảo-vệ quyền-lợi của nhân-dân, dành cho nhân-dân những quyền-hành rộng rãi và hạn-chế sự hoạt-động của các cơ-quan chính-quyền để khỏi xâm phạm đến tự-do và tài-sản của dân. Muốn thực hiện được những điều đó cần công phải có một văn-kiến ghi rõ các quyền-lợi, nhiệm-vụ dân cùng phạm-vi hoạt động của các cơ-quan công-quyền. Văn-kiến đó tức là hiến-pháp. Xâm phạm quyền-lợi của nhân-dân tức là vi-phạm hiến-pháp. Nhà cầm quyền cũng phải e ngại mỗi khi muốn có những hành-động phản dân-chủ.

Vậy hiến-pháp không phải là nền tảng bảo-vệ chế-độ dân-chủ sao ?

Nhưng ngược lại, muốn cho hiến pháp được nhà cầm quyền thực-sự tôn-trọng, người công dân phải luôn luôn cảnh-giác, tích-cực bảo-vệ quyền-lợi của mình do hiến-pháp đã quy-định. Nếu người dân hoặc vì lơ-là hoặc vì sợ sệt không dám hoặc không thiết bảo-vệ quyền lợi của mình và kiểm-soát hành-động của chính-quyền thì nhà cầm quyền

sẽ dễ dàng có xu-hướng vi-phạm hiến-pháp mà không e ngại bị phản-đối.

Kết-luận : Một nước tự cho mình là văn-minh phải có hiến-pháp và chỉ có hiến-pháp mới có thể là nền tảng cho một nền dân-chủ thực-sự. Nhưng nếu người công-dân không hiểu rõ quyền lợi và nhiệm vụ của mình thì dù hiến-pháp có tiến-bộ đến mấy cũng chỉ là một tờ giấy lộn không được đem ra áp-dụng hay áp-dụng một cách sai lạc (tại các nước độc tài).

Vậy trong một chế-độ dân-chủ thực sự, hiến-pháp phải được coi như một thứ vũ-khí sắc bén trong tay người công-dân để bảo-vệ quyền-lợi của mình và kiểm soát những hành-vi của nhà cầm quyền.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) *Người ta thường nói : « Một nước văn-minh không thể không có hiến-pháp » Anh hay chị cho biết tại sao hiến-pháp lại là một phương-tiện hiệu nghiệm nhất để bảo-vệ tự-do của người công-dân.*

2) *Anh hãy giải thích câu nói sau đây của Tổng-Thống Hoa-kỳ Lincoln : « Chính-Phủ dân-chủ là chính-phủ của dân, do dân và vì dân ».*

ĐỀ V

« Anh hãy so sánh hai chế-độ : quân-chủ chuyên-chế và quân-chủ lập-hiến và cho biết tại sao chế-độ quân-chủ không thể ngăn cản được bước tiến của nhân-loại trên con đường dân-chủ ».

I. HƯỚNG-DẪN

Ý chính của bài này là nêu rõ bước tiến của nhân-loại từ chế-độ quân-chủ chuyên-chế qua chế-độ quân-chủ lập hiến tới chế-độ dân-chủ. Bước tiến đó không có sức mạnh gì có thể ngăn cản được. Trước hết nêu rõ sự khác nhau giữa 2 chế-độ quân-chủ. Từ sự khác nhau đó tiến tới vạch rõ bước tiến của nhân-loại tới dân-chủ. Vậy thân bài có thể chia là 2 phần :

- Chế-độ quân-chủ : chuyên-chế và chế-độ quân-chủ lập-hiến khác nhau như thế nào ?

- Bước tiến của nhân-loại từ quân-chủ tới làm dân chủ.

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Nước Việt-Nam từ ngàn xưa trải qua bao nhiêu triều-đại là một nước quân-chủ chuyên-chế. Hiện nay chúng ta vừa mới bước vào con đường độc-lập dân-chủ. Bước đi tuy còn chập-chững nhưng cũng đã có nhiều tiến-bộ khả-quan hứa hẹn một tương-lai rực rỡ.

Nhìn lại quãng đường đã qua, chúng ta thấy chế-độ quân-chủ chuyên-chế trước khi sụp đổ tan tành đã chuyển

qua một giai-đoạn tuy ngắn ngủi nhưng cũng khá quan-trọng : đó là giai-đoạn quân-chủ lập-hiến thời chính-phủ Trọng-Trọng-Kim. Vậy chúng ta hãy thử xét xem chế-độ quân-chủ chuyên-chế và chế-độ quân-chủ lập-hiến khác nhau như thế nào.

Thân bài :

1) Sự khác biệt giữa 2 chế-độ quân-chủ chuyên-chế và lập-hiến

a) Dưới chế-độ quân-chủ chuyên-chế, chủ quyền ở trong tay nhà vua. Nhà vua thay trời trị dân (thế thiên hành đạo) và nắm quyền sinh quyền sát trong tay. Dưới chế-độ quân-chủ lập-hiến, chủ-quyền ở trong tay quốc-gia hay nhân-dân. Vua chỉ là người đại-diện cho dân cho nước, không có quyền chuyên-chế.

b) Dưới chế độ quân-chủ chuyên-chế, quyền hành của nhà vua vô hạn định. Nhà vua làm ra luật pháp, thi hành luật pháp và xử kẻ phạm pháp. Dưới chế độ quân-chủ lập hiến quyền hành của nhà vua do hiến pháp quy định. Thường thì nhà vua còn nắm giữ quyền hành-pháp. Còn quyền lập-pháp ở trong tay quốc-hội. Mỗi hành-động của nhà vua đều bị luật-pháp kiểm tỏa. Nhà vua không còn tự-do hành-động theo ý muốn. Trái lại quyền lợi của công-dân được hiến-pháp bảo-vệ chặt chẽ chống sự xâm nhập của nhà vua : Vì vậy mà gọi là quân-chủ lập-hiến.

c) Dưới chế-độ quân-chủ chuyên-chế, nhà vua chỉ nghĩ tới vinh quang của triều đại, mặc kệ cho dân chết chóc lầm than. Dân phải khổ sở để cho cung điện nhà vua được huy

hoàng. Tướng sĩ phải chết chóc để cho danh nhà vua được vang dấy. Còn dưới chế-độ quân-chủ lập-hiến, vua không thể bắt dân làm những gì mà hiến-pháp không cho phép. Vua phải chăm lo đến đời sống của dân để cho dân tín-nhiệm. Vua muốn chi tiêu việc gì phải được quốc-hội cho phép. Tóm lại dưới chế-độ quân-chủ lập-hiến, dân mới thực là chủ. Quyền nhà vua nhiều khi chỉ còn là hư quyền mà thôi. Thí-dụ : Quyền của Anh Hoàng là một thứ quyền rất tượng-trưng. Vì thế cho nên nhà vua không có trách-nhiệm gì. Bởi thế cho nên có người đã cho rằng : sự khác biệt giữa quân-chủ chuyên-chế và quân-chủ lập-hiến còn lớn lao hơn là sự khác biệt giữa quân-chủ lập hiến và dân-chủ : Vua là chủ, hay dân là chủ.

Một đấng sự khác biệt là về nội dung như nước với lửa : làm sao dung hòa được bạo-tàn với tự-do. Một đấng khác, sự khác biệt giữa quân-chủ lập-hiến và dân chủ chỉ có tính cách hình thức : Ai dám bảo nước Anh quân-chủ không phải là một nước dân-chủ tân-tiến nhất thế-giới. Quyền lực của Anh Hoàng làm sao to bằng quyền lực của Tổng-thống Mỹ.

2) Tại sao chế-độ quân-chủ không thể ngăn cản được bước tiến của nhân-loại trên con đường dân-chủ

a) Theo luật tiến hóa tự nhiên, cái gì hoàn hảo hơn sẽ đào-thải cái còn lạc-hậu và nhiều khuyết điểm chế-độ quân-chủ chuyên-chế phần tiến-hóa dần dần bị tiêu-diệt trên mặt địa cầu và thay thế bởi chế độ quân-chủ lập-hiến tôn trọng quyền lợi của người dân hơn. Chế độ này cũng chỉ là một giai-đoạn quá-độ để tiến tới một chế độ dân-chủ thực sự

hoàn hảo hơn, chủ quyền thực sự ở trong tay người công dân.

b) Nhân dân càng bị áp bức bao nhiêu, càng giác ngộ quyền lợi bấy nhiêu, càng cương quyết vùng lên đấu tranh chống phong-kiến tham tàn dành lấy quyền sống cho mình. Chứng cứ : Tại những nước nào phong kiến áp bức bóc lột cùng cực, những nước đó dễ dàng thực hiện dân-chủ hơn là những nơi phong-kiến có thái độ ôn hòa. Thí-dụ : Pháp, Việt-Nam, Trung-Hoa...

c) Bản chất của chế độ quân-chủ là áp bức, bóc lột, là phân chia giai-cấp bất công và bạo tàn thì làm sao có thể đứng vững được trước làn sóng dân-chủ đem lại tự-do và bình đẳng, công bình và bác ái.

d) Trên thế-giới có những nước đi trước trên con đường dân chủ như Pháp và Hoa-kỳ. Những nước đó đã-thực-hiện được nhiều tiến-bộ quan-trọng, giải-phóng cho con người, xóa nhòa những tàn-tích phong-kiến và đem lại tự-do hạnh-phúc cho toàn dân. Dân-trí được nâng cao, dân-quyền được tôn trọng. Những nước đó là những gương sáng cho các nước chậm tiến noi theo, cho các nhà cách-mạng học hỏi : Thí dụ : Nhờ sự học hỏi kinh nghiệm và lý thuyết chính trị của Tây-phương mà ông Tôn-Dật-Tiên đã làm cuộc cách mạng Tân Hợi thành công lật đổ chế độ phong-kiến thối nát Mãn Thanh.

Hiện nay ở nước ta chế-độ cộng-hòa nhân-vị được thiết lập trên đồng tro tàn của phong-kiến, thực-dân và chúng ta

đang xây dựng dân chủ và học tập kinh-nghiệm của những nước đàn anh trên thế giới.

Kết luận : Chế-độ quân-chủ chuyên-chế lạc-hậu không thể nào còn tồn tại trên mặt địa cầu. Nhưng trên con đường tiến tới dân chủ chúng ta còn gặp nhiều khó-khăn cản trở. Phong-kiến tuy đã chết nhưng những tàn tích của nó vẫn còn và nhiều khi còn chi-phối cả những tư-tưởng và hành-động của chúng ta nữa. Nếu chúng ta không gột sạch được những tàn tích đó, ở trong mỗi người còn có một ông vua, một ông quan, thì làm sao tránh khỏi những lăm lẩn quan-trọng trên bước đường xây dựng dân-chủ.

Vậy nhiệm vụ bài phong của chúng ta bây giờ mới tiến tới một giai-đoạn khó khăn. Mỗi người thanh niên chúng ta đều phải tích-cực tranh-đấu làm sao cho bản thân mình không bị những tàn tích phong-kiến làm cho nhơ bẩn thì mới mong xây dựng được một nền cộng-hòa nhân-vị công-bình và bác-ái.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) *Người ta thường ghép chung 2 danh-từ thực-dân và phong-kiến. Tại sao phong-kiến thường hay cấu kết với thực-dân đế-quốc. Anh hay chị hãy tìm thí dụ chứng tỏ. (Thí dụ ở Việt Nam và ở một số nước trên thế-giới như Trung-Hoa dưới thời Mãn-Thanh, v.v...)*

2) *Anh hay chị hãy so sánh chế-độ quân-chủ chuyên-chế và chế-độ độc-tài. Hai chế độ đó có thể tồn tại lâu dài được không ? Tại sao ?*

(Dàn bài tương tự như bài trên)

ĐỀ VI

« Thế nào là chế-độ độc tài ? Tại sao dân-chủ lại là phương thuốc hiệu nghiệm nhất để ngăn ngừa nạn độc-tài ».

I. HƯỚNG-DẪN

Trong bài này ta phải làm sao nêu rõ được tính chất ghê tởm và dã man chà đạp nhân-vị của chế độ độc tài, rồi nêu rõ những lý lẽ chứng tỏ dân chủ là phương thuốc hiệu nghiệm nhất trừ nạn độc tài cho nhân loại. Để cho bài làm khỏi khô khan, ta có thể tìm những thí dụ cụ thể và xác thực, nhưng không nên lạm dụng làm cho bài thêm dài một cách vô ích. Vậy thân bài cũng có thể chia làm 2 phần :

- *Độc-tài là gì ?*
- *Dân-chủ là phương thuốc hiệu nghiệm nhất chống nạn độc-tài.*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Sự thắng lợi của lực-lượng dân chủ trong trận thế giới chiến tranh vừa qua đã giải thoát chúng ta khỏi một tai ách kinh khủng nhất trần gian. Đó là nạn độc tài của phát-xít Đức Ý Nhật. Nhưng thế giới ngày nay vẫn chưa thoát khỏi sự đe dọa của nạn độc tài vì nó đã đội lốt dân chủ và mang nhiều bộ mặt khác nhau. Nhiều nước khác trên thế giới hiện nay còn bị độc tài thống trị. Vậy chúng ta hãy thử tìm hiểu xem độc-tài là gì và làm thế nào để ra thoát khỏi nạn đó.

Thân bài :

1) Độc tài là gì ?

A) Định nghĩa : Độc-tài là một chế độ chính trị mà tất cả quyền hành đều tập trung ở trong tay một người một nhóm người hay một đảng phái. Trước sức mạnh của họ, không có một sức mạnh của dân chúng nào có thể kháng cự hay làm cho họ phải vị nể. Dưới chế-độ độc-tài :

a) Người dân mất hết cả tự do, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ không biết ngày mai mình sẽ ra sao. Họ hoàn toàn yếu ớt và bất lực trước sức mạnh của kẻ cầm quyền và nhiều khi còn là công-cụ cho họ lợi dụng để nâng cao uy tín và củng-cố địa-vị của họ.

b) Chính-quyền độc-tài không những kiểm-soát đời sống công của người công dân (ví-dụ như kiểm soát họ có liêm khiết, có mẫn cán không) mà còn kiểm soát cả đời sống tư của họ nữa (kiểm soát việc giao-dịch cá-nhân, kiểm soát cưới xin và nếp sống gia-đình). Ở bất cứ đâu, cả những nơi thăm kín nhất, chính quyền cũng có mặt để ra mệnh-lệnh hoặc cấm đoán, bắt bớ.

c) Nhân-vị con người hoàn-toàn bị chà đạp. Con người chỉ còn là một phương tiện để cho các nhà độc-tài thực hiện cứu-cánh xã-hội hay cá nhân của họ. Vì thế nên người ta luôn luôn nói tới sự hy-sinh của cá nhân cho tập thể. Con người bị bóc lột một cách tàn tệ mà không được hưởng một chút hạnh phúc nào. Thiên-đường chưa thấy đâu mà địa-ngục trần-gian đã ở ngay trước mắt ; chế độ lao công cưỡng bách, các trại tập-trung khổng lồ, các công trường vĩ-đại, ở

đó người dân làm việc hơn trâu ngựa có khi đến kiệt sức phải bỏ mình. Những sự phản đối đều bị chìm đắm trong máu lửa.

B) Các hình thức độc-tài :

Chế độ độc-tài thực ra đã có từ hồi thượng cổ Hy-lạp La-mã nhưng cho tới thế kỷ thứ 20 này nó mới thực là tinh-vi và độc ác. Nó sở dĩ thành công được ở nhiều nước là vì :

- Ở nhiều nơi, nhân dân quá đau khổ dưới chính quyền hiện hữu, muốn có sự đổi thay và tin tưởng ở những lời hứa hẹn của những người cầm đầu chế độ mới (Thí-dụ : Nước Nga).

- Ở nhiều nước dân chủ, chính quyền tỏ ra yếu ớt và nhiều khi bất lực, trong nước rối ren, luật pháp không được tôn trọng. Nhân dân muốn một chính quyền mạnh. Nhà độc tài lợi-dụng cơ-hội lên nắm chính-quyền. (Thí-dụ : nước Đức)

Có hai loại độc tài :

- *Độc-tài cá-nhân* : Một lãnh tụ lên nắm chính quyền đặt tay chân mình khắp nơi để kiểm soát các cơ-quan và nhân dân. Tất cả các mệnh lệnh và luật pháp đều xuất phát từ nhà lãnh-tụ tối-cao được người ta suy tôn lên như thần-thánh.

- *Độc-tài đảng-trị* : Một đảng nắm chính quyền chi-phối hết cả đời sống trong nước như là một lưới mạng nhện. Không có cái gì thoát khỏi bàn tay và con mắt của đảng.

Hình thức này còn ghê gớm chặt chẽ hơn hình thức trên đến trăm lần.

Người ta nhận rõ một chế-độ độc-tài tài ở mấy điểm : một quyền hành chính rất mạnh bên cạnh một quyền lập pháp lu mờ, một tổ-chức quân đội và cảnh sát công an rất chu đáo và hùng hậu, một cơ-quan tuyên-truyền rất tinh vi và hữu hiệu để gây tác động tinh thần trong quần-chúng.

2) Tại sao dân chủ lại là phương thuốc hiệu nghiệm để chống nạn độc-tài

- Chế-độ độc-tài phản dân chủ, đi ngược lại dân quyền sẽ không thể tồn tại nếu dân chúng hiểu rõ quyền lợi của họ và cương quyết đứng lên đấu tranh.

- Chế-độ độc-tài hạ thấp mức sống của dân để dễ thống trị. Dân chủ nâng cao mức sống của dân vì chủ trương đem lại tự do hạnh phúc cho dân ngay trong đời sống hiện tại. Quần quại dưới ách độc tài, dân chúng mới hiểu rõ đâu là chân hạnh phúc và mới vùng lên đấu tranh giành dân chủ tự do.

- Vậy một vũ khí mạnh nhất để chống độc-tài là nâng cao dân-trí (vì độc-tài muốn dân ngoan ngoãn như đàn cừ để dễ sai khiến), xây dựng dân-quyền (vì với độc-tài, dân là nô lệ) và bồi đắp dân-sinh (vì với độc tài thì dân no khó bảo). Ở những nơi mà 3 phương-châm đó được thực-hiện một cách đầy đủ, nạn độc-tài không thể xâm nhập (thí dụ : Hoa-kỳ, Anh-quốc).

Ở những nơi đang bị nạn độc-tài đe dọa, thực-hiện-3 phương-châm đó tức là đẩy xa được nguy cơ xâm lấn.

Ở những nơi độc tài đang thống trị, 3 phương châm đó là 3 khẩu-hiệu đấu-tranh thúc giục nhân dân vùng lên lật đổ ách thống trị của bọn thực dân mới.

Một chế độ dân chủ thực sự không bao giờ xa rời 3 phương-châm đó.

Kết-luận : Nạn độc tài là một đe dọa rất trầm-trọng cho nhân-loại tiến-bộ. Muốn đẩy xa nạn độc tài ra khỏi nước chúng ta, mỗi người công dân đều phải hiểu rõ quyền lợi và nhiệm vụ của mình, phải quyết tâm bảo vệ những quyền lợi đã được hiến pháp công nhận cho mình, không để cho bất cứ một kẻ nào dùng đe dọa hay lời lẽ phỉnh phờ để tước đoạt. Có như vậy mới hy vọng thực-hiện được một nền dân-chủ thực sự xây dựng trên tự-do và nhân vị của con người.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) *Người ta thường nói : « nền dân chủ Tây phương » . Vậy nền dân chủ Tây-phương là nền dân chủ nào ? Đặc điểm của nó có phải là sự bảo-vệ tự-do và hạnh-phúc của con người không ? Chứng tỏ ?*

2) *Người ta thường nói : « Nước Việt-Nam đang ở trên con đường kiến-thiết dân chủ » Tại sao ? Nước ta cần phải san bằng nhiều trở lực để tiến tới dân chủ hoàn toàn. Những trở lực đó là những trở lực gì ?*

(Đoạn dưới có tính cách bổ túc và làm sáng nghĩa cho đoạn trên, không nên làm riêng ra thành một phần).

ĐỀ VII

« Thế nào là chính-thể cộng-hòa ? Tại sao một chính-thể cộng-hòa cần phải có nội dung dân-chủ thì mới có thể tồn tại lâu bền ? »

I. HƯỚNG-DẪN

Việc trước tiên là cần tìm hiểu xem thế nào là chính-thể cộng-hòa. Nó có gì khác dân-chủ không ? Nó có gì khác độc tài không ? Hiểu rõ được vấn đề đó rồi mới giải quyết nổi vấn đề thứ 2 : một chính thể cộng hòa cần phải có nội dung dân-chủ mới vững bền. Tìm những thí dụ cụ thể ở Việt-Nam hay trên thế giới để chứng tỏ vấn đề. Nhưng cũng không nên lạm dụng. Một vài thí-dụ chọn lọc là đủ. Vậy thân bài có thể chia làm 2 phần như chúng ta vẫn thường làm :

- *Giải nghĩa thế nào là chính thể cộng-hòa.*
- *Tại sao một chính thể cộng hòa cần phải có nội dung dân chủ mới vững bền.*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : « Việt-Nam là một nước Cộng-hòa ». Điều I hiến-pháp Việt-Nam đã nói rõ như vậy. Và đã từ hơn năm 5 nay chúng ta sống dưới chế-độ Cộng-hòa nhân-vị do Ngô Tổng-Thống lãnh-đạo. Vậy chúng ta hãy thử tìm hiểu xem thế nào là chính-thể Cộng-Hòa, chính-thể đó đã thực-hiện như thế nào, và đã đem lại cho chúng ta những gì. Tìm hiểu rõ được những điều đó chúng ta sẽ thấy là nó tốt đẹp và quyết tâm bảo vệ nó.

Thân bài :

1) Thế nào là chính-thể cộng-hòa ?

Ngày nay người ta thường dùng 2 chữ cộng-hòa để dịch chữ Republic của Anh hay chữ République của Pháp. Hai chữ này cũng do ở chữ Latin « Res Publica » (của chung) mà người La-mã cổ-thời thường dùng để chỉ các chính-thể do dân cử của họ.

Chính-thể cộng-hòa là một chính-thể trong đó những người cầm quyền đều do dân bầu ra và làm việc cho dân.

Muốn hiểu thế nào là chính thể cộng hòa, ta hãy phân định rõ ràng vị trí của nó :

a) Cộng-hòa và quân-chủ : Một nước cộng-hòa khác hẳn một nước quân-chủ về hình-thức. Trong nước cộng-hòa, các nhà cầm quyền là do dân cử. Còn trong một nước quân chủ, thì chủ quyền thuộc về một vị vua, cha truyền con nối. Ví dụ nước Anh không thể là một nước cộng hòa mặc dầu về nội-dung nước Anh là một nước rất dân-chủ. Trái lại, bất cứ một nước nào không có vua và có một chính quyền dân cử cũng được coi là một nước cộng-hòa mặc dầu họ có thể là phát-xít độc-tài hay dân-chủ tự-do : Cộng hòa Pháp, Cộng-hòa Nhân-dân Trung-Hoa...

b) Cộng-hòa và dân-chủ : Không phải nước dân chủ nào cũng theo chính-thể cộng-hòa : Ví dụ trường hợp nước Anh. Trái lại không phải nước cộng-hòa nào cũng là dân chủ. Các nước cộng-hòa cổ thời Hi-Lạp La-mã là những nước cộng hòa quý tộc nghĩa là chỉ có giai-cấp quý-tộc mới được nắm chính-quyền. Các nước cộng-sản đều là những nước cộng-

hòa (cộng-hòa xã-hội hay cộng-hòa nhân-dân). Nhưng trong các nước cộng hòa đó chỉ có đại-biểu của công nông mới được nắm chính quyền. Thực ra những nước cộng-hòa xã-hội hay nhân-dân đều là những chế-độ độc-tài trá hình. Chính quyền nằm trong tay một đảng và đảng này chi-phối mọi hoạt-động kinh tế, chính-trị, văn-hóa, xã hội của nhân-dân.

2) Chính-thể cộng-hòa cần phải có nội-dung dân chủ mới tồn-tại lâu bền

Như thế có nghĩa là dưới chính-thể cộng-hòa, chính quyền phải thực sự do dân mà ra và luôn luôn tranh đấu cho quyền lợi của dân.

Không phải chỉ cần lập một bản hiến-pháp nội-dung thực đẹp mà cho thế là đủ. Nhiều nước độc-tài cũng có những bản hiến-pháp rất tiến bộ, nhưng có bao giờ họ đem ra áp dụng ? Có hiến-pháp mà lại còn cần các nhà cầm quyền có tinh-thần thi-hành hiến-pháp : hiến-pháp có được tôn trọng thì quyền lợi nhân dân mới được đảm bảo, những người do dân cử ra mới thực sự là người đại diện của dân. Nhà cầm quyền mỗi khi làm việc gì đều phải nhân danh nhà nước và nhân-dân mà làm, chứ không làm với tư-cách cá-nhân mình. Một vị tổng-thống khi còn là tổng-thống có rất nhiều quyền. Khi hết nhiệm-kỳ thì ông lại sống như bất cứ một người công-dân nào. Không thể có sự suy-tôn cá-nhân vì như vậy sẽ dễ dàng đưa đến độc-tài.

Trong chính-thể cộng-hòa dân-chủ, chính-quyền là của chung chứ không phải của riêng ai. Vì vậy tất cả mọi người công dân đều có thể tham gia chính quyền và đạt tới những

chức vị cao quý nhất. Không có một giai-cấp lãnh đạo vì một giai cấp bị trị. Mỗi người công dân đều có quyền tham gia việc lãnh đạo nhà nước và vì là một phần tử của quốc gia nên cũng phải chịu sự lãnh đạo của chính quyền. Tóm lại dưới chính thể cộng hòa người công dân vừa ở cương vị chỉ huy vừa ở cương vị thừa hành. Họ hiểu rõ những quyền lợi và nhiệm vụ của họ nên tha thiết với chế-độ và tích cực bảo vệ nó. Nhưng muốn được lâu bền, một chính thể cộng-hòa dân-chủ còn phải hữu hiệu nữa. Như thế có nghĩa là chính quyền tuy là dân-chủ nhưng cần phải mạnh để kịp thời đập tan những âm mưu phản động vì thiết thực bảo vệ tự do vì an ninh cho dân chúng.

Một chính quyền dân chủ chìm đắm trong những cuộc tranh chấp và bàn cãi triền miên, luôn luôn do dự không biết hành động kịp thời, luôn luôn trốn tránh trách nhiệm sẽ không thể nào bảo vệ tự do dân chủ một cách hữu hiệu được. Nó chắc chắn sẽ bị thay thế bởi một chính thể độc tài tuy hà khắc hơn nhưng làm được việc hơn. Đó có thể là ý muốn của nhân dân mà các nhà chính-trị độc tài sẽ triệt để lợi dụng. Kinh-nghiệm nước Pháp dưới thời Nã-Phá-Luân đệ nhất, dưới thời Pétain và gần đây dưới nền đệ ngũ cộng-hòa Pháp đã chứng tỏ điều đó : Nhân dân nước Pháp rất có kinh nghiệm về chính trị thể mà đã nhiều lần chọn chế độ độc-tài cũng là bởi vì chế độ dân-chủ thì hành ở Pháp đã nhiều lần tỏ ra bất lực trước các biến-cố của lịch sử và trước sự đòi hỏi của nhân dân. Vậy một chế-độ cộng-hòa dân-chủ còn cần phải hữu hiệu nữa thì mới có thể tồn tại lâu bền. Thực ra cũng hơi khó khăn vì phải làm sao dung hòa được cái

mềm và cái cứng. Nhưng với sự giác ngộ của toàn dân với thiện tâm, thiện ý của nhà cầm quyền, việc đó tưởng cũng có thể đạt được.

Kết luận : Đó là điều mà chúng ta hy vọng cho tương lai nước ta. Việt-Nam là một nước cộng hòa đang trên con đường kiến thiết dân chủ. Khó khăn còn nhiều chông gai còn lắm, các nhà lãnh đạo cần phải cương quyết và sáng suốt, chính quyền cần phải mạnh và hữu hiệu thì mới đủ sức vượt qua được những trở-lực nhất thời để đạt tới những kết-quả lâu dài và tốt đẹp. Dân chủ tự-do, phải là phần thưởng đích đáng cho sự tranh đấu quyết liệt và bền bỉ của toàn dân mạnh tiến trên con đường xây dựng cộng-hòa nhân-vị.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) Anh hãy bình giải câu nói sau đây của Mạnh Tử :
« Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh ». Câu nói đó có chứng tỏ được tình thần dân chủ của Đông phương không. Tại sao ?

2) Chủ-nghĩa Tam-Dân của Tôn Dật Tiên nêu lên khẩu hiệu : « Dân tộc độc lập – dân quyền tự do – dân sinh hạnh phúc ». Hãy cắt nghĩa những khẩu hiệu đó và cho biết nó quan hệ mật thiết với nhau như thế nào ? (Có độc-lập rồi mới có tự-do, có tự do rồi mới có hạnh phúc).

ĐỀ VIII

« Khi nói đến quyền tự-do trong chế-độ dân chủ, người ta thường phân biệt tự-do cá-nhân và tự-do chính-trị. Vậy hai thứ tự do đó khác nhau thế nào ? »

I. HƯỚNG-DẪN

Trọng tâm của bài này là vấn-đề tự-do. Tự-do và dân-chủ lúc nào cũng phải đi liền với nhau. Người ta nói tới tự-do cá-nhân và tự-do chính trị. Vậy điều trước tiên ta phải biết là : « tự-do cá-nhân và tự-do chính-trị là gì » thì mới biết nó khác nhau thế nào ?

Tự-do cá-nhân tức là tất cả những quyền tự-do liên-quan đến việc bảo đảm đời sống của con người, ví dụ như quyền an-ninh cá nhân, quyền cư trú, đi lại...

Còn tự-do chính-trị là những quyền tự-do cho phép người ta tham gia vào đời sống công cộng, vào công việc điều khiển quốc gia, xã hội : ví dụ như tự-do tư tưởng, ngôn luận, tham chính... Phạm-vi 2 quyền đó khác hẳn nhau : 1 đặng hướng vào cá nhân, 1 đặng hướng ra ngoài xã hội.

2 quyền đó phải phối-hợp với nhau thì mới có tự-do thực sự.

Vậy thân bài này có thể chia làm 2 phần :

- Thế nào là tự do cá-nhân và tự-do chính trị ?
- 2 quyền đó khác nhau thế nào và phải phối hợp với nhau như thế nào ?

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Con người ta bao giờ cũng khát vọng tự-do. Từ khi sống cô-độc lẻ loi, cho đến khi sống thành tập đoàn xã-hội, người ta luôn luôn đi tìm 2 chữ « tự-do » để làm cho cuộc sống của mình đáng sống hơn và tươi đẹp hơn. Chế-độ nô-lệ, chế-độ phong-kiến và chế-độ độc-tài là những giấc mơ kinh-khủng nhất mà nhân loại đã phải trải qua. Tự-do của con người hoàn toàn bị chà đạp dưới gót sắt của kẻ thống trị. Chỉ có chế-độ dân-chủ là thực sự tôn-trọng tự do và đem lại hạnh-phúc cho con người. Dưới chế-độ dân chủ con người đã chiến thắng những lực lượng bạo-tàn đã khuất phục nó trong hàng bao nhiêu thế kỷ. Người ta đã giành lại được tự-do. Cái tự-do đó người ta thường phân biệt ra làm 2 loại, tự-do cá nhân và tự-do chính-trị. Vậy chúng ta hãy thử tìm hiểu xem 2 thứ tự-do đó là gì và nó khác nhau thế nào ?

Thân bài :

1) Thế nào là tự-do cá-nhân và tự do chính-trị

a) Tự-do cá-nhân : là tất cả những bảo-đảm cho bản thân con người được sống một cuộc đời an-ninh hạnh-phúc, không lo bị người khác quấy rầy phiền lụy.

Những quyền tự-do đó là :

- Quyền được sống an toàn không lo bị bắt bớ giam cầm một cách trái phép. Chỉ có luật pháp mới tạo được ra hình phạt. Khi luật pháp không quy-định, thì không ai có quyền tạo ra hình phạt để quy tội người ta.

- Quyền được lập gia-đình và tổ-chức gia-đình theo ý muốn của mình : mỗi người có một nếp sống riêng, mỗi nhà có một tập tục riêng. Không ai có quyền xen vào để bắt người ta phải sống theo cách này hay cách khác.

- Người nào cũng có danh-dự phải được tôn-trọng. Xâm phạm đến danh-dự tức là xâm phạm đến nhân-vị con người.

Ngoài ra người ta còn phải kể vào loại tự-do cá-nhân :

- quyền được tự do lựa chọn một nghề nghiệp hợp với sở thích riêng của mình hay với nhu-cầu của gia đình mình.

- Quyền được tự do đi lại và chọn nơi mình cư-trú để sinh sống làm ăn.

- Quyền được có của riêng để cho tương lai của mình và của con cháu mình được bảo-đảm hơn.

b) Tự-do chính-trị : là quyền tự do của người công dân được tham gia vào việc điều khiển quốc-gia xã-hội. Tất cả những sự cấm đoán, hạn chế đều có tính cách phản dân-chủ và phản tự-do.

Những quyền tự do đó là :

- Quyền tham-chính tức là quyền của người công dân được tham gia vào việc điều khiển guồng máy nhà nước : được ra ứng cử để vào Quốc-hội, được quyền làm công-chức, được quyền đi bầu để chọn người thay mặt mình, không người công dân nào có thể bị tước đoạt quyền đó một cách vô cớ.

- Để bảo-vệ những chính-kiến của mình và làm cho chính-kiến đó thẳng-lợi người công dân được hưởng quyền

tự-do ngôn-luận, tự do tư tưởng, tự do hội-hợp và tự-do lập hội. Ngoài ra lại còn phải có đầy đủ phương tiện để thực hành những quyền tự-do đó. Ví dụ như muốn có tự-do ngôn-luận thì chính quyền giúp đỡ cho người công dân được mọi sự để dùng trong việc xuất bản báo chí.

- Ngoài ra lại còn có tự-do tín-ngưỡng, nó nằm ở giữa 2 thứ tự do trên : người công dân vừa được quyền tự mình chọn một tôn-giáo nào để thờ phụng và tin tưởng, vừa được quyền tự do truyền bá tôn giáo đó trong xã-hội.

2) Sự khác nhau giữa 2 quyền tự-do cá-nhân và chính-trị

a) Mục-đích của 2 quyền đó khác nhau :

- Quyền tự-do cá nhân hướng vào cá-nhân con người và nhằm bảo đảm riêng cho đời sống của mỗi người chống sự xâm nhập của các người khác và của xã-hội.

- Quyền tự-do chính-trị hướng ra ngoài xã hội với mục đích làm cho người công dân được quyền tham gia rộng rãi vào việc điều khiển công việc chung.

b) Phạm-vi của 2 quyền đó cũng khác nhau.

- Đối với tự-do cá-nhân thì quyền tự do của người này bị hạn chế bởi quyền tự do của người khác.

Phương châm của nó là : « Đừng làm cho người khác cái gì anh không muốn người ta làm cho anh hay kỷ sở bất dục vật thi ư nhân ».

- Đối với quyền tự do chính trị thì quyền đó chỉ bị hạn chế bởi lý do an-ninh và trật tự xã hội cùng tự-do riêng biệt

của mỗi người công dân. Ví dụ quyền tự-do ngôn-luận không thể dùng để chỉ trích đời tư của người khác hoặc để tiết lộ những bí mật quốc gia có lợi cho quân địch.

c) Thời cổ Hy-lạp – La-Mã người ta thường chỉ chú trọng đến quyền tự do chính trị. Các công dân Hi-lạp – La-Mã được quyền tham gia mọi công việc chung trong khi đó những người không phải là công dân lại không được hưởng một chút quyền tự do nào kể cả quyền làm người. Ví dụ những người nô-lệ bị coi như những con vật, sống chết ở trong tay chủ.

Thời nay người ta thường chú trọng trước tiên đến quyền tự do cá nhân mà người ta coi là những quyền căn bản của con người. Tất cả những bản hiến pháp, tất cả những bản tuyên ngôn nhân quyền đều nhấn mạnh vào điểm đó. Nhưng người ta cũng nhận thấy rằng không thể có tự do cá nhân nếu không có tự do chính trị. Chứng cứ là dưới chế độ chính-trị độc-tài, cá nhân con người bị chà đạp dày vò. Vì vậy cho nên 2 thứ tự do đó phải đi liền với nhau, bổ túc lẫn nhau thì mới thiết lập được một nền dân-chủ tự-do thực sự hợp với lý tưởng của con người đã phải đấu tranh trong hàng bao nhiêu thế kỷ.

Kết-luận : Những quyền tự do cá nhân và chính trị đều được long-trọng công nhận trong bản hiến-pháp Việt-Nam (phần quyền lợi nhiệm vụ công dân). Vậy chúng ta những người thanh niên cộng hòa cần phải quyết tâm bảo vệ chế độ đã đem lại quyền sống cho con người và tự do cho dân tộc.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) Quyền an ninh cá nhân là gì ? Tại sao thứ quyền đó lại được coi như là một thứ quyền căn bản nhất của người công dân ?

2) Có người cho rằng : « Có tự do chưa đủ, còn phải có phương tiện để thi-hành tự do, như thế mới là tự do ». Ý nghĩ đó có đúng không ? Tại sao ? (Hợp lý trên phương diện lý thuyết, nhưng khó khăn trên phương diện thực hành).

ĐỀ IX

« Khi còn đi học, người ta khuyên anh : « Hãy vâng lời cha mẹ, hãy vâng lời thầy ». Khi ra đời người ta khuyên anh : « Hãy tuân theo pháp-luật, tuân theo lệnh trên ». Nhưng đồng thời người ta cũng lại khuyên anh : « Đừng nên chịu để mất tự-do của mình ». Hai lời khuyên đó có mâu-thuẫn nhau không ? Tại sao ? »

I. HƯỚNG-DẪN

Trên đề người ta nêu ra 2 tư-tưởng bề ngoài thì có vẻ trái ngược nhau : « một đằng là kỷ-luật, một đằng là tự-do » nhưng thực ra là bổ-túc cho nhau. Vậy muốn đi đúng trọng tâm của bài này, không nên khai thác những sự trái ngược nhau giữa hai tư-tưởng. Nhưng phải cố tìm cách làm sao điều-hòa được 2 tư-tưởng đó trong một hệ-thống tư-tưởng duy-nhất : « Tự-do trong trật-tự » hoặc « kỷ-luật để bảo vệ-tự-do chứ không phải để phá hoại tự do ». Vậy thân bài chia ra làm 2 phần :

- *Tuân theo kỷ-luật để bảo-vệ tự do của con người.*
- *Kỷ-luật không thể phá-hoại tự-do và nô-lệ hóa con người.*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Khi chúng ta còn đang đi học, người ta thường khuyên chúng ta : « Hãy vâng lời cha mẹ, hãy vâng lời thầy ». Khi chúng ta rời ghế nhà trường ra hoạt-động ở ngoài xã-hội, người ta thường khuyên ta : « Hãy tuân theo

pháp luật và tuân theo lệnh trên ». Nhưng đồng thời người ta cũng lại khuyên chúng ta : « Đừng nên chịu để mất tự do của mình ». Hai lời khuyên đó có mâu-thuẫn nhau không hay là bổ túc lẫn nhau để đề-cao và giới-hạn quyền tự-do của con người. Đó là vấn đề mà chúng ta sẽ xét trong bài tiểu luận này.

Thân bài :

1) Kỷ-luật là một phương-tiện để bảo-vệ tự-do con người

Khi còn nhỏ, người ta khuyên ta : « Hãy vâng lời cha mẹ, hãy vâng lời thầy ». Tại sao ?

Bởi vì cha mẹ và thầy là những người ở một thế-hệ trước mình, từng trải hơn mình, trông xa biết rộng hơn mình. Chẳng là cha mẹ và thầy lại muốn cho mình trở nên những người xấu bằng cách khuyên mình làm những điều đại dột. Tất nhiên là các người muốn cho mình trở nên người hay, đặc dụng cho nhân quần xã hội và đồng thời cũng đem lại hạnh-phúc tự-do cho chính bản thân mình. Những lời các người khuyên mình đều là những điều hay lẽ phải. Chúng ta có biết nghe theo thì cuộc đời của ta sau này mới có nhiều hứa hẹn.

Hơn nữa, có biết vâng theo lời cha mẹ và thầy thì mới là con nhà nề-nếp, có giáo-dục, có tinh-thần kỷ-luật, sau này mới trở nên một người công-dân tốt biết tôn trọng kỷ-luật xã hội. Một người con không vâng lời cha mẹ, một người học trò không vâng lời thầy, ra ngoài xã-hội sẽ là một phần-tử vô kỷ-luật, một kẻ phá hoại đời sống công cộng, một kẻ

nguy hiểm cho những người sống xung quanh mình. Họ sẽ là những ký sinh trùng mà xã hội sẵn sàng gạt bỏ ra ngoài. Vâng vâng lời cha mẹ, vâng lời thầy tức là sửa soạn cho bản thân mình tham gia vào đời sống quốc-gia và xã-hội, sửa soạn để cho mình trở nên một con người tự-do và xứng đáng.

Đến khi lớn lên ra ngoài xã-hội người ta khuyên ta : « Hãy tuân theo pháp-luật, hãy tuân theo lệnh trên ». Tại sao ?

Hẳn chúng ta ai cũng biết pháp luật là giường mối của quốc gia. Nếu pháp-luật không được tôn trọng, tất đời sống quốc gia sẽ rối loạn thì tự do của chúng ta liệu có thể bảo-vệ được không.

Vậy tuân theo pháp luật chính là bảo vệ tự-do của chính bản thân mình.

Vả lại pháp luật là do những người đại diện của mình làm ra. Tuân theo pháp luật có gì khác hơn là tuân theo lệnh của chính mình ? Như vậy tự-do của mình vẫn được tôn trọng và quyền-lợi của mình cũng được bảo-vệ nữa. Vì có luật pháp nào do dân làm ra mà lại phản lại quyền lợi của dân ?

Lệnh trên cũng vậy. Khi ta tuân theo lệnh trên không phải là ta đã mất tự do của ta và biến thành một kẻ nô-lệ hay một cái máy. Tuân theo lệnh trên tức là tuân theo một trật tự xã hội, tuân theo một thứ kỷ luật mà chính chúng ta đã đặt ra cho chúng ta. Nếu không có trên dưới thì biết ai bảo được ai. Người nào cũng cho mình là chủ cả thì ai là

người làm. Một con tàu ít ra cũng có một người chỉ huy và mọi người phải biết tuân theo người đó thì con tàu mới đến bến. Một xã hội cũng vậy, nếu không chịu tuân theo lệnh trên thì xã hội đó sẽ suy tàn.

Vả lại trong một xã-hội dân-chủ mỗi người thừa-hành đều có thể là một người chỉ huy. Nếu ta muốn người ta tuân theo lệnh ta, tại sao ta lại không chịu tuân theo lệnh người khác. Vậy thì tuân theo lệnh trên là một sự cần thiết để duy trì trật tự xã hội và tiến hành mọi công tác chung.

Nhưng tại sao người ta lại khuyên : « Đừng nên để mất tự do của mình ». Vâng lời người trên tuân theo pháp luật cũng là chịu để mất một phần tự do của mình. Vậy 2 lời khuyên đó chẳng hóa ra mâu thuẫn nhau lắm sao ?

2) Kỷ-luật không thể phá-hoại tự-do và nô-lệ hóa con người

Hai câu nói trên hoàn toàn không mâu thuẫn mà còn bổ túc cho nhau. Như chúng ta đã trình bày, kỷ luật trật tự rất cần thiết cho đời sống xã hội. Nhờ có nó mà tự-do của con người được bảo đảm một cách vững chắc. Ta chỉ cần tự hỏi nếu không có kỷ luật trật tự thì xã-hội sẽ ra sao ? Vậy thì kỷ luật trật tự chỉ được coi như là một phương tiện để bảo vệ tự do của con người.

Nếu người ta coi nó như là một cứu-cánh thì tức là người ta đã làm sai lạc mục-đích xã-hội của nó. Lúc đó nó sẽ trở nên áp-bức, hà-khắc và là kẻ thù của tự-do. Ta chỉ cần xem các chế độ độc-tài phát-xít, bọn coi kỷ-luật trật-tự là cứu-cánh và dùng nó để gò bó đời sống cá nhân và giam hãm

con người trong tình trạng nô-lệ. Mọi người đều nhắm mắt tuân theo một thứ kỷ luật nó biến họ thành trâu ngựa. Họ rằm rắp cúi đầu trước những mệnh lệnh mà họ không biết từ đâu tới. Phẩm giá con người bị hạ thấp đến chỗ cùng cực.

Lúc đó chúng ta có chịu để cho tự-do của chúng ta vĩnh-viễn bị chà đạp không ? Tất nhiên là không. Lúc đó chính những con người trước kia đã tự giác tuân theo kỷ luật trật tự mà họ đã tự đặt ra cho họ, sẽ vùng lên để đạp đổ cái thứ kỷ luật trật tự hà khắc và ác-nghiệt kia.

Vậy thì tuân theo kỷ luật, tuân theo lệnh trên không có nghĩa là tuân theo bất cứ một thứ kỷ luật nào, bất cứ một thứ lệnh trên nào. Những thứ kỷ luật phản dân-chủ, những thứ lệnh trên phản quốc-gia đâu có thể bắt chúng ta phải tuân theo một cách mù quáng. Lúc đó chúng ta phải biết vùng lên đừng để mất tự-do của mình.

Kết luận : Hai câu nói trên hoàn toàn không mâu thuẫn nhau mà nó còn bổ-khuyết cho nhau nữa : muốn được hưởng tự do, con người ta phải biết trọng kỷ-luật trật-tự. Nhưng khi kỷ-luật trật-tự trở nên áp bức, thì người ta lại cần phải tranh đấu để bảo-vệ tự-do.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) Người công dân một nước dân-chủ có nhiều quyền lợi nhưng cũng có nhiều nhiệm-vụ. Anh cho biết tại sao dưới chế-độ dân-chủ quyền lợi phải đi liền với nhiệm-vụ. (Kể qua quyền-lợi và nhiệm-vụ và cho biết tại sao quyền-lợi phải đi đôi với nhiệm-vụ).

2) Tại sao muốn bảo vệ nền tự-do dân-chủ của một nước, mỗi người công dân đều phải có tinh-thần ưa chuộng dân-chủ tự-do. Chế-độ độc-tài phát-xít chỉ có thể nảy nở được ở những nơi người dân không biết tự do là gì.

ĐỀ X

« Người ta thường nói : « Trong một nước dân-chủ cần phải có tự-do tư-tưởng ». Nhưng người ta-cũng cho rằng : « Trong nhiều trường hợp phải hướng dẫn tư tưởng để tiến tới dân chủ ». Hai ý tưởng đó có mâu-thuẫn nhau không ? Tại sao ? »

I. HƯỚNG-DẪN

Điểm phải chứng minh trong bài này là hai ý nghĩ trên không có gì là mâu thuẫn nhau cả. Trái lại nó còn bổ túc cho nhau là chẳng khác. Vậy điểm ta phải khai thác không phải là sự mâu thuẫn mà là sự hòa hợp : Dưới chế độ dân-chủ cần phải có tự-do tư-tưởng. Nhưng tự-do tư-tưởng không phải là để tự-do phá hoại nền dân-chủ. Vậy trước khi để người công dân sử dụng quyền tự-do dân-chủ phải giáo dục họ hiểu thế nào là tự-do dân-chủ để cho khi họ được sử dụng khỏi có những lầm lạc. Vì thế mà môn Công-dân Giáo-dục rất cần thiết. Thân bài chia làm 2 phần :

- *Tự-do tư-tưởng và hướng-dẫn tư-tưởng.*
- *Tại sao cần phải hướng-dẫn tư-tưởng ?*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Thế kỷ thứ 20 này là thế kỷ mà quyền tự-do tư-tưởng được đề-cao nhất và cũng bị chà đạp nhiều nhất. Tại các nước dân chủ, người ta nói đến tự-do tư tưởng như là nói đến một thứ quyền tối thiêng liêng của con người. Trái lại tại các nước độc-tài, người ta dùng những phương pháp

tân kỳ nhất để kiểm soát và hướng dẫn tư-tưởng con người. Vì thế cho nên khi nói tới hướng dẫn tư tưởng là người ta nghĩ ngay tới những thủ đoạn chuyên chế dùng để áp bức con người chứ không biết đâu rằng muốn có tự-do tư-tưởng thực sự nhiều khi cũng cần phải có hướng dẫn tư tưởng. Đó là điểm mà chúng ta cần phải phát-triển trong phần thân bài.

Thân bài :

1) Tự-do tư-tưởng và hướng-dẫn tư-tưởng

Như chúng ta đều biết, trong xã hội dân-chủ ngày nay quyền tự-do tư tưởng được coi như là một quyền tự-do căn bản của con người. Biết bao nhiêu kẻ đã phải rời bỏ quê hương thân mẫn của họ để đi tìm một nơi mà họ có thể phát huy tư tưởng của họ một cách tự do. Biết bao nhiêu người đã phải bỏ mình vì thà chịu chết còn hơn là mất tự do nghĩ theo ý muốn của mình. Càng ở trong vòng nô lệ người ta càng biết rõ giá trị của tự do và càng tranh đấu mãnh liệt để giành tự do. Một khi tự-do đã giành được, họ tha thiết bảo vệ nó và cương quyết chống mọi xu-hướng muốn kiểm soát hoặc điều khiển tư-tưởng con người. Những cái đó làm cho họ nghĩ ngay đến các cuộc chinh huấn nhồi sọ chính trị, đến những mưu toan bóc trần những ý nghĩ thầm kín nhất của mỗi người để mà rèn rửa, gọt nặn. Họ muốn vượt khỏi bất cứ một hình thức kiểm soát tư tưởng nào và nhiều khi còn đi đến chỗ cực đoan là muốn hủy bỏ tất cả những cơ quan đoàn thể nào có gây một chút áp-lực đến tư-tưởng con người. Họ như là những con chim bị trúng tên nên sợ

làn cây cong và thù ghét tất cả mọi hình thức điều khiển và hướng dẫn tư tưởng.

Thực ra ta cần phải phân biệt 2 loại hướng dẫn. Có khi người ta coi việc hướng dẫn tư tưởng như là một phương tiện để phục vụ quyền lợi của một cá nhân hay một đảng phái. Người ta coi việc hướng dẫn là cần thiết ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào. Mussolini đã từng tuyên bố : « Năm lấy con người từ khi sơ sinh và chỉ buông tha lúc họ chết ». Hướng dẫn tư tưởng kiểu đó thì quả thực là một điều mà con người văn minh phải tránh như ta tránh bệnh dịch. Người ta quyết liệt tranh đấu cho tự do cũng chỉ vì mục đích đó.

Trái lại tại các nơi mà chế độ dân chủ đã vững chắc người ta đã xa với bầu không khí đấu tranh, tâm hồn đã lắng xuống vì trở nên bình tĩnh hơn thì nhiều khi người ta lại thấy hướng dẫn tư tưởng như là một biện-pháp để củng cố tự do của con người. Nhưng khác với trường hợp trên, hướng dẫn tư tưởng đây chỉ có mục đích chỉ cho người ta thấy con đường đi thôi. Khi con đường đã vạch ra cho họ thấy rồi thì tùy họ muốn đi thế nào thì đi miễn là đừng có phá hoại thì thôi. Một khi họ đã có đủ lông cánh, đủ tài năng, thì tùy họ muốn làm gì thì làm, muốn nghĩ gì thì nghĩ, không còn vấn đề hướng dẫn và kiểm soát.

2) Tại sao dưới chế-độ dân-chủ cũng cần phải có hướng dẫn tư-tưởng

Trước hết một chế độ dân-chủ được thành lập nên là do công lao của biết bao nhiêu người đã đổ xương máu để xây dựng nó. Vậy người ta không thể để cho tồn tại những tư

tưởng muốn phá hoại nó, những tư tưởng lạc hậu thoái hóa muốn làm cho nhân loại trở lại con đường phong-kiến, độc-tài, phát-xít. Nhất là trong thời kỳ chiến tranh người ta không thể để cho tự do phát triển những tư tưởng đầu hàng hay bán nước cầu vinh. Những hạng người có những tư tưởng trên thiết tưởng cũng cần phải cho họ qua những lớp chỉnh huấn, giáo dục cho họ hiểu thế nào là tự do dân chủ để mong họ trở về con đường chính đạo. Đó là điều mà chính phủ ta đã làm và còn đang làm đối với những phần-tử lầm đường lạc lối.

Điểm thứ 2 là đối với các tầng lớp thanh niên mới lớn lên, người ta phải chú trọng đến việc đào luyện cho họ trở thành những chiến sĩ dân chủ, khiến cho họ yêu chế-độ một cách tha thiết và sẵn sàng bảo vệ chế độ với bất cứ một giá nào. Đó là mục đích của môn Công-dân Giáo-dục ở nhà trường và đó cũng là mục-đích của đoàn Thanh niên Cộng-hòa mà chính phủ đang xúc tiến việc đào tạo. Hướng dẫn thanh niên không ngoài mục-đích ấy và việc hướng dẫn đó cũng chấm dứt khi thanh-niên đã trưởng thành và bước vào trường đời. Lúc đó họ sẽ được hoàn toàn tự do phát biểu những ý nghĩ của họ. Những ý-nghĩ đó được xây dựng trên một căn bản lành mạnh nên tuy có thể khác nhau nhưng chắc đều hữu ích cho việc củng-cố chế độ dân-chủ, vì khi người ta được sung sướng tự-do thì không có lý gì người ta lại phản lại cái sung sướng tự do đó.

Kết luận : Bởi thế cho nên ta không nên khe khắt lên án tất cả mọi hình thức hướng dẫn tư tưởng. Ta nên phân biệt hình thức hướng dẫn tư tưởng cốt để nô lệ hóa con

người vì hình thức hướng dẫn tư tưởng có mục đích bảo vệ tự do và củng-cố dân chủ. Nước ta đang ở trên con đường xây dựng dân chủ, chúng ta còn cần phải giáo-dục tư-tưởng thanh niên nên chúng ta còn cần đến hình thức hướng-dẫn thứ 2 này. Chúng ta hướng dẫn tư tưởng là để củng-cố dân-chủ chứ không phải để nô-lệ hóa con người.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) Kiểm soát tư tưởng con người có phải là một việc dễ dàng không? Chế độ độc-tài đã làm những gì để kiểm soát tư tưởng con người? Nó có thành công không?

2) Một xã hội không có tự-do tư-tưởng và tự-do tín-ngưỡng là một xã hội không đáng sống.

Anh hay chị hãy chứng tỏ điều đó bằng những thí dụ cụ thể rút ra trong lịch-sử thế-giới hiện-đại.

ĐỀ XI

« Chỉ có tự-do tín-ngưỡng mới làm cho nhân-loại đỡ chém giết nhau và mới thực-hiện được hòa-bình lâu dài. Ý nghĩ đó có đúng không và tại sao ? »

I. HƯỚNG DẪN

Trong bài này ta phải chứng tỏ rằng nguyên nhân của nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc là do sự bài xích tôn giáo. Cuối cùng rồi đến chỗ tôn giáo bị bài xích cũng phải được công nhận mà có khi còn lớn mạnh hơn. Nhưng biết bao nhiêu xương máu đã đổ. Vậy tự-do tín-ngưỡng là một phương thuốc hiệu nghiệm để duy-trì hòa-bình thế giới và cũng chỉ trong chế độ dân chủ, tự-do tín ngưỡng mới được triệt-để tôn trọng. Thực hiện được tự-do tín-ngưỡng là ta đã bớt được một nguyên nhân gây hiểm họa chiến tranh. Vậy thân bài cũng nên chia làm 2 phần :

- *Nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc xảy ra là do sự bài xích tôn-giáo.*

- *Tự-do tín-ngưỡng là phương thuốc rất hiệu nghiệm để thực-hiện hòa-bình lâu dài.*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-hòa đã công nhận quyền tự-do tín-ngưỡng như là một quyền tự-do căn bản của con người. Tại nhiều nước dân chủ khác trên thế giới, quyền tự-do tín-ngưỡng cũng được triệt-để tôn trọng. Sở dĩ nguyên tắc tự-do tín-ngưỡng đã được thừa nhận ở hầu hết

các nước dân chủ ngày nay trên thế giới là vì nhân loại đã biết rút kinh nghiệm của bao trận chiến tranh tôn giáo của mấy thế kỷ trước và thấy rằng con đường hòa bình hữu nghị phải là con đường chủ trương tôn trọng các tôn giáo của các dân tộc.

Thân bài :

1) Thật vậy, nếu ta nhìn lại lịch sử nhân-loại trong mấy thế kỷ qua, ta sẽ thấy nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc xảy ra là do sự bài xích tôn giáo, nhiều cuộc tàn sát ghê gớm xảy ra mà nguyên nhân cũng là không muốn để cho tôn giáo nào tồn tại...

Chúng ta ai cũng đều biết là ngày xưa các chính quyền thường hay dựa vào uy thế một tôn giáo nào để có thể nắm giữ tất cả quyền hành về phần đạo cũng như về phần đời. Toàn dân đều phải theo một tôn giáo duy nhất để nhà cầm quyền dễ bề kiểm soát và điều khiển. Bởi thế cho nên họ không thể tha thứ cho ngoại đạo phát triển ở trên đất họ. Vì ngoại đạo tin theo những nguyên tắc, những giáo điều khác những nguyên tắc và giáo điều mà họ bắt dân tin theo để củng-cố địa vị của họ. Vì thế nên họ cấm rồi tận diệt ngoại giáo mà họ cho là tà đạo. Đó là trường hợp của nước ta vào thế kỷ thứ 19. Việc giết đạo của các vua ta đã là một nguyên cơ Pháp dựa vào để thôn tính nước ta.

Đó cũng là trường hợp của nước Tàu khi Tần-Thủy-Hoàng đốt sách, chôn sống học trò để muốn tận diệt đạo Nho. Đó cũng là trường hợp của các triều vua thời cổ La-Mã tàn sát các người theo đạo Thiên Chúa.

Trong cả 3 trường hợp đó ta cũng nhận thấy rằng nhà cầm quyền càng cố tâm diệt tôn-giáo bao nhiêu, tôn giáo càng phát triển bấy nhiêu hình như máu của những người tử vì đạo đã làm sôi sục bầu nhiệt huyết của các tín đồ khiến họ càng vững tâm tin tưởng mà tiến lên. Tần Thủy-Hoàng diệt đạo Nho không ngăn cản nổi đạo Nho trở lại chiếm ngôi độc tôn trong xã hội Trung-quốc.

Néron giết đạo không ngăn cản nổi đạo Thiên-Chúa lấy La-Mã làm thủ-đô truyền giáo.

Tự-Đức giết đạo không ngăn cản nổi đạo Gia-tô phát-triển mạnh ở nước ta.

Đây là những kinh nghiệm lịch sử. Lịch sử còn cho ta thấy những cuộc chiến tranh tôn-giáo vô cùng tàn khốc : Cuộc viễn chinh tốn kém và hao mòn của Thập Tự Quân mà mục-tiêu là thành Jérusalem, cuộc chiến tranh giữa các tín đồ Thiên-Chúa giáo và Cải-lương giáo thời Trung-cổ lâu hàng cả một thế kỷ. Ở Á-châu những cuộc chiến-tranh giữa các tín đồ Hồi-giáo và Ấn-độ-giáo cũng đã hao tổn không biết bao nhiêu nhân mạng. Các cuộc chiến tranh tôn giáo đó có đưa đến đâu không hay chỉ đến chỗ là các tôn-giáo vẫn còn tồn tại và lại còn vững mạnh hơn. Vậy thì bao nhiêu xương máu và tiền của để ra để làm gì ? Để hủy bỏ đức tin của con người chăng ? Không thể được. Thế thì tại sao ta không để cho mỗi người được thờ-phụng cái mà họ tin : Đó là vấn-đề tự-do tín-ngưỡng, vấn đề mà nhân loại chỉ đề cập đến khi giạt mình thấy đã biết bao nhiêu xương rơi máu đổ.

2) Tự-do tín-ngưỡng là phương thuốc hiệu nghiệm nhất để thực hiện hòa bình lâu dài.

Thực vậy, nhờ có tự-do tín ngưỡng mà con người được quyền tin theo tôn giáo nào họ xét là hợp với lương tâm họ hơn cả. Trong gia đình có thể mỗi người tin theo một tôn giáo khác nhau mà không xảy ra xung đột. Trong nước, các tín-đồ tôn-giáo khác nhau sống bên nhau mà không khích bác. Vì chính quyền đóng vai trung lập không thiên vị tôn giáo nào nên những cuộc xung đột tôn giáo không thể xảy ra. Giữa các nước tôn giáo khác nhau cũng không thể xảy ra chiến tranh vì nước nọ tôn-trọng tôn-giáo nước kia. Những nguyên nhân xung đột bị diệt trừ tận gốc, thì xung đột làm sao mà xảy ra được. Hòa-bình thế-giới vì thế có thể duy trì lâu dài hay ít nhất nếu có chiến tranh xảy ra thì cũng không phải vì lý do tôn giáo.

Nhưng tự do tín ngưỡng chỉ có thể thực hiện hoàn toàn được dưới chế-độ dân-chủ, bởi vì bản chất của chế độ độc-tài chuyên-chế là không có tự do. Đã không có tự do thì làm gì còn có tự-do tín-ngưỡng. Và lại các nhà độc tài chuyên chế có bao giờ muốn dân tin theo những cái không phải là của chính họ bắt dân phải tin theo. Mussolini, nhà độc tài Ý, đã chẳng từng đã nói : « Ý chiếm người công-dân Ý từ lúc người đó chào đời và chỉ buông tha họ khi họ trút hơi thở cuối cùng ». Từ lúc đó họ mới thuộc quyền Đức Giáo-Hoàng.

Thực là mỉa mai khi giữa thế kỷ thứ 20 này, giữa lúc mà ánh sáng dân chủ tràn lan khắp nơi, ta vẫn còn thấy quyền tự do tín ngưỡng còn bị chà đạp trên gần một phần nửa quả địa-cầu. Nhưng mặc dầu có những sự bóp nghẹt tôn giáo ở

bên kia bức màn sắt, dân tộc Ba-Lan vẫn căn bản là một dân tộc công-giáo và các sư sãi vẫn còn giữ vững ảnh hưởng ở Tây-Tạng.

Kết-luận : Tôn giáo là một sức mạnh tinh thần rất lớn. Nếu người ta kìm hãm nó thì nó sẽ đạp đổ hết tất cả những cản trở để mà vượt lên. Vậy thì phương sách hiệu nghiệm nhất để cho nhân loại sống hòa bình là tôn trọng quyền tự-do tín-ngưỡng. Nhờ có tự-do tín-ngưỡng mà các tôn giáo phát triển điều hòa, con người được sống cởi mở và do đó tình hữu-nghị giữa các dân-tộc tăng lên.

Người công-dân Việt-Nam chúng ta cần phải hiểu rõ điểm đó và xúc tiến làm sao cho trên toàn cõi nước ta quyền tự-do tín-ngưỡng được tôn trọng như nó đã được ghi trong bản hiến-pháp Việt-Nam Cộng-hòa.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) Chủ-nghĩa tam vô là gì ? Tại sao cộng-sản lại chủ-trương chủ-nghĩa tam vô ?

2) Các tôn-giáo thường hay lớn mạnh trong sự cấm đoán ; cho thí dụ chứng tỏ và tìm nguyên nhân của sự lớn mạnh đó.

ĐỀ XII

« Tại các nước dân-chủ tiên-tiến, báo chí được coi như là một quyền thứ tư sau quyền lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp. Vì sao quyền tự-do ngôn-luận lại được tôn trọng như vậy và trong những trường hợp nào nó có thể bị hạn-chế? »

I. HƯỚNG-DẪN

Trong bài này chúng ta cần nêu những thí dụ cụ thể để chứng tỏ là quyền tự do ngôn luận rất được tôn trọng ở các nước dân chủ. Nhưng chúng ta cũng đừng nên quên một phần thứ 2 không kém quan-hệ, đó là phần nói « Trong trường hợp nào quyền đó có thể bị hạn-chế ». Bởi vì nếu ta không nhấn mạnh vào phần này, người ta có thể lầm tưởng quyền tự-do ngôn-luận là một quyền vô giới hạn. Ta cần biết những giới hạn của quyền đó để không vượt quá phạm vi quyền hạn của ta. Vậy thân bài có thể chia làm 2 phần :

- Vì sao quyền tự-do ngôn-luận được triệt-để tôn-trọng ở các nước dân-chủ.

- Trong những trường-hợp nào quyền đó có thể bị hạn-chế.

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-hòa trong điều 16 đã công nhận cho người công dân quyền tự do ngôn luận. Đó là quyền của người công dân được tự do phát biểu ý kiến mình trên mặt báo chí hay trong các buổi diễn thuyết hay

trình diễn văn nghệ. Như vậy trong quyền tự do ngôn luận đó có bao gồm cả quyền tự do báo chí. Tại một số các nước Tây-phương như Anh, Mỹ, Pháp, báo chí nhiều khi còn được coi như một quyền thứ tư sau quyền lập pháp hành pháp, và tư-pháp. Vậy ta hãy thử cắt nghĩa vì sao quyền đó lại được tôn trọng như vậy.

Thân bài :

1) Vì sao quyền tự-do báo-chí lại được triệt-đề tôn-trọng

Tại các nước dân chủ Tây-phương, báo chí được coi như một quyền thứ tư vì những lý lẽ sau đây :

a) Tại các nước dân chủ, dân chúng được hưởng các quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận. Nhưng nếu không có phương tiện để truyền bá tư tưởng của mình thì những quyền đó trở nên vô vị, mà phương tiện hiệu nghiệm nhất tức là báo chí.

b) Quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đều ở trong tay chánh quyền, thành ra dân chúng chỉ mấy năm mới lại có quyền sử dụng quyền công dân của mình để bầu ra các cơ quan đại diện cho mình. Vậy báo chí là phương tiện để dân chúng luôn luôn có dịp sử dụng quyền tham chính của họ, góp ý kiến cùng các nhà hữu trách về những công việc có quan hệ đến đời sống quốc gia nhất là về các vấn đề chính trị, kinh tế hay văn hóa, xã hội. Tiếng nói của dân sẽ luôn luôn được chính quyền nghe tới và chính quyền sẽ luôn luôn có dịp đi sát với quyền lợi của dân vì hiểu rõ nguyện vọng của dân hơn.

c) Chính quyền nhiều khi vô tình hay hữu ý xâm phạm đến quyền lợi của dân, báo chí sẽ là một phương tiện rất hiệu nghiệm để người dân bảo vệ quyền tự-do của mình hoặc mong nhà cầm quyền xét lại hoặc tố cáo hành vi những lạm của những bọn sâu dân một nước.

Tóm lại, báo chí là phương tiện để người dân thực-hiện các quyền tự-do của mình (truyền-bá tư-tưởng, trao đổi ý kiến, bút chiến, khảo-cứu, v.v...) Đồng thời báo chí cũng là phương tiện để người dân bảo vệ các quyền tự do của họ (chống những sự xâm nhập và áp bức của chính quyền). Sau cùng, báo chí còn là một phương tiện để người công dân thực sự tham gia việc điều khiển quốc gia.

Quyền tự do báo chí quan trọng như vậy, nên ta không lấy làm lạ ở Tây-phương người ta coi nó là một quyền thứ tư. Nhiều ký giả danh tiếng được kính trọng như những nhà chính-khách lừng danh. Nhiều ý kiến của báo chí có ảnh hưởng rất lớn đến đường lối của chính-phủ. Nhiều nhà cai trị rất sợ dư-luận báo chí, chỉ lo họ phanh phui những sự thực mà họ đã dầy công dấu kín. Báo chí làm cho công dân thêm nhiều quyền hành thực sự và làm cho chính quyền càng ngày càng trở nên dân chủ.

2) Trong những trường hợp nào quyền tự do báo chí có thể bị hạn chế ?

Nói như vậy chẳng hóa ra quyền tự do báo chí có một sức mạnh vô song lấn át cả các quyền kia sao ? Không, thực sự ra báo chí không phải là một quyền. Khi nói đến một quyền, người ta phải nghĩ ngay đến một thế lực có giá trị bắt buộc đối với dân chúng, dân chúng phải tuân theo.

Báo chí đâu có quyền đó. Nó chỉ nêu ra một dư luận, một ý kiến, rồi tùy theo nhà hữu-trách muốn chấp nhận, hay không cũng được. Điểm thứ 2 là quyền tự do báo chí chỉ được tự do sử dụng khi nào nó không xâm phạm đến nền tự do dân chủ và đến an ninh quốc gia và cũng không xâm phạm đến tự do cá nhân của mỗi người công dân.

Ta không thể quan niệm được rằng một người dân lại có thể sử dụng quyền tự-do báo-chí do chính chế độ dân-chủ ban cho họ để chống lại chế độ đó. Nếu người công dân có quyền làm như thế tức là họ có quyền tự tiêu diệt quyền của mình vậy.

Hơn nữa ta cũng không thể quan niệm được rằng một người công-dân có thể sử dụng phương tiện báo chí để tiếp tay cho ngoại bang phá hoại an ninh quốc nội và quốc ngoại, hoặc tiết lộ những bí mật có lợi cho đối phương. Vì thế cho nên trong thời kỳ chiến-tranh hay nội loạn, báo chí thường bị kiểm duyệt một cách gay gắt. Sự kiểm duyệt đó tức nhiên là phải chấm dứt khi tình-trạng bất an chấm dứt. Nếu nó không chấm dứt thì tức là chúng ta đã đoạn tuyệt với dân-chủ rồi.

Sau cùng, quyền-tự do báo chí không thể sử dụng để phỉ báng cá nhân, bôi xấu đời tư của mỗi người công dân khiến danh dự họ bị thương tổn. Làm những việc đó tức là báo chí đã hạ thấp vai trò mình xuống ngang hàng những người bán tôm bán cá ngoài chợ.

Báo chí không phải là nơi để người ta bêu xấu nhau và cãi lộn nhau vì những quyền lợi đê hèn, mà là diễn đàn của

nhân dân để bảo vệ tự do và dân chủ, hòa bình và công lý.

Kết luận : Tóm lại quyền tự do báo chí là một quyền rất quan trọng được thừa nhận trên hầu hết các nước dân-chủ tự-do ngày nay. Chúng ta không nên coi thường vai trò của báo chí và gán cho nó những thành kiến không tốt. Trái lại ta phải gắng công xây dựng cho báo chí nước ta thực sự thành một cơ quan ngôn luận phụng sự quyền lợi của đại chúng. Nhưng chúng ta cũng đừng quên rằng báo chí phải đứng trong phạm vi quyền hạn mà chính hiến pháp Việt-Nam Cộng-hòa đã vạch ra cho nó : « Quyền này không được dùng để vu cáo, phỉ báng, xâm phạm đến nền đạo lý công cộng, hô hào nội loạn hoặc lật đổ chính thể cộng-hòa ».

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) *Tại sao muốn bảo vệ dân-chủ, mỗi người dân đều phải có tinh-thần dân-chủ ? Cho những thí dụ chứng tỏ.*

2) *Chế-độ dân-chủ cho chúng ta quyền tự do ngôn luận. Nhưng tục ngữ lại có câu : « Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo » hoặc « đa ngôn, đa trá ». Hãy cho biết khi áp-dụng quyền tự-do ngôn-luận người ta thường hay vấp phải những khuyết-điểm gì. Làm thế nào để sửa chữa ?*

ĐỀ XIII

« Ngày xưa người ta cho quyền tư-hữu là một quyền tối thiêng liêng và bất khả xâm phạm của con người. Ngày nay quyền đó còn được tôn-trọng một cách tuyệt-đối nữa không? Tại sao? »

I. HƯỚNG-DẪN

Trong bài này, vấn đề chính là ta phải nêu bật tính-cách khác nhau của 2 quan niệm xưa và nay của quyền tư hữu. Ngày xưa người ta quan niệm quyền tư hữu là một quyền hoàn toàn có tính cách cá nhân nên được tuyệt đối tôn trọng. Ngày nay ngoài tính cách đó ra, quyền tư hữu còn được coi như là một bổn phận xã hội, vì vậy nên có nhiều hạn chế vì quyền lợi chung. Những hạn chế đó nhiều khi khá quan trọng nhưng không thể đi đến chỗ là tước bỏ hoàn toàn quyền tư hữu của người công dân. Thân bài có thể chia làm 2 phần :

- *Quyền tư-hữu được coi như một quyền tuyệt đối. Tại sao?*

- *Quyền tư-hữu ngày nay chỉ còn là một quyền tương đối. Tại sao?*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Quyền tư hữu là gì? Đó là quyền của mỗi người công dân được phép có của riêng và sử dụng của riêng đó tùy theo ý muốn của mình miễn là đừng trái với luật lệ hiện hành hạn chế hay cấm đoán mà thôi. Cứ theo

định nghĩa này thì quyền tư hữu là một quyền rất hệ trọng. Nhưng trải qua bao nhiêu thời gian biến-chuyển, nó không còn được nguyên vẹn như xưa và ngày nay có rất nhiều hạn chế khiến cho quyền đó chỉ còn có tính-cách tương đối mà thôi. Chúng ta hãy thử tìm nguyên nhân của sự khác biệt đó để hiểu rõ quyền lợi và nhiệm vụ của mỗi người công dân riêng về phương diện này.

Thân bài : Quyền tư hữu xưa kia được coi như một quyền tuyệt-đối

Hẳn chúng ta còn nhớ cuộc cách mạng Pháp 1789 lật đổ đế-chế và thiết lập chế độ dân-chủ cộng-hòa đã cương quyết đập đổ tất cả những cái gì do chế độ nhà vua thiết lập nên. Dưới thời kỳ phong-kiến, nhà vua thường là đồng sở hữu chủ tất cả ruộng đất nhà cửa của dân chúng. Như thế có nghĩa là nhà vua có thể bất cứ lúc nào cũng xâm phạm được vào tài sản của dân. Nhà vua có thể lấy đất của người này cho người khác, sung công những cái mà mình thích, phá phách mà không phải bồi thường. Người dân luôn luôn ở trong tình trạng bất an, không biết quyền tư hữu của mình có thể giữ vững được đến bao giờ. Để phản ứng lại tình trạng đó các nhà cách mạng Pháp tuyên bố : « quyền tư-hữu tối thiêng liêng và bất khả xâm phạm ». Khi tuyên-bố như vậy, các nhà cách mạng Pháp một phần là muốn củng-cố quyền tư hữu chống lại những tham vọng của nhà vua, mở đường cho các giai cấp mới tiến lên, và một phần là cũng để thỏa mãn lý tưởng tự do của họ.

Thực vậy, lý tưởng tự do cấm đoán người công dân này không được xâm phạm vào quyền tự do của người công dân

khác. Trong lĩnh vực riêng của mình, mỗi người công dân được hưởng một thứ quyền tự do tuyệt đối. Mình có thể làm được tất cả mọi thứ miễn là đừng có xâm phạm đến quyền lợi của người khác. Không những các người khác mà cả chính phủ nữa cũng không được xâm phạm đến quyền tự do của mỗi người. Chính phủ chỉ đóng vai trò một người cảnh sát và phải tránh hết sức không can thiệp vào bất cứ một hoạt-động tư-nhân nào và hạn-chế tự-do của họ. Như vậy thành ra người công dân được hưởng những quyền tự do rất rộng rãi. Lẽ dĩ-nhiên là trong số các quyền tự do đó có quyền tư hữu. Hơn thế nữa, quyền tư hữu lại còn đóng vai trò quan trọng nhất vì một lẽ giản dị là không có tư hữu thì không có tự-do. Bởi thế cho nên quyền tư hữu mới được coi là một quyền tối thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Tuy nhiên, vì đời sống xã hội bắt buộc, nên một đôi khi cũng phải xâm phạm đến quyền tư hữu của người công dân. Nhưng những trường hợp đó rất hiếm, chính phủ phải cân nhắc rất thận trọng và phải bồi thường rất nhiều. Đó là thời kỳ hoàng kim của những người có nhà cửa, ruộng nương.

Nhưng ngày nay quyền tư hữu không còn được tôn trọng một cách tuyệt đối như xưa nữa. Nó bị hạn chế rất nhiều và thậm chí còn bị hủy bỏ ở nhiều nơi, người ta hủy bỏ chế độ tư hữu để thiết lập chế độ công hữu các dụng cụ sinh sản như ruộng đất, nhà cửa, máy móc, v.v... Còn tại các nước dân chủ, quyền tư hữu vẫn còn được tôn trọng nhưng chỉ còn có tính cách tương đối mà thôi. Tại sao lại có sự biến chuyển đó ?

Trước hết, khi bước vào thời kỳ kỹ nghệ để cung ứng đầy đủ cho nhu cầu của dân chúng càng ngày càng tăng, chính phủ phải thực hiện nhiều công tác quy mô như mở mang đường sá, xây dựng cầu cống, công thự, khuếch trương các thành phố, hải cảng, khai thác hầm mỏ, v.v... Chính phủ bắt buộc phải sung công nhiều đất đai ruộng vườn của dân chúng. Nếu cứ phải theo những thủ tục khó khăn như xưa thì chính phủ sẽ gặp phải rất nhiều cản trở trong việc thực hiện chương trình của mình. Vì vậy cho nên chính phủ đã phải giản dị hóa các thủ tục sung công và hạ thấp các khoản tiền bồi thường. Quyền tư hữu vì vậy mà không còn được tôn trọng như xưa.

Điểm thứ 2 là các chính phủ ngày nay cần phải chi tiêu rất nhiều. Thuế má không còn đủ để cung ứng cho những sự chi tiêu càng ngày càng tăng của chính phủ. Vì vậy chính phủ phải tự mình đứng lên kinh doanh như bất cứ một tư nhân nào. Có khi chính phủ tự dành cho mình những đặc quyền trong việc kinh doanh để dần dần đi đến độc-quyền. Ví dụ như khi chính phủ lập một cơ-sở kỹ nghệ dưới hình thức một công cụ chẳng hạn, thì công cụ đó có quyền truất hữu ruộng đất của dân chúng để mở mang cơ sở của mình.

Điều thứ 3 là để thực hiện lý tưởng xã hội và xây dựng một nền kinh-tế chỉ huy ; nhiều chính-phủ đã quốc-hữu hóa đất đai, hầm mỏ, nhà máy của tư nhân để thi hành kế-hoạch của mình. Có nhiều nơi người ta lại coi quyền tư hữu như là một bốn phận xã hội. Nếu người dân khi sử dụng

quyền tư hữu của mình không làm tròn bổn-phận xã hội thì quyền đó có thể bị tước để trao sang cho người khác.

Tóm lại ngày nay chính phủ can thiệp càng ngày càng nhiều vào hoạt-động kinh-tế của tư nhân, phải luôn luôn có dịp đụng chạm đến quyền tư hữu của công dân. Và trong các cuộc đụng chạm đó bao giờ quyền lợi chung cũng thắng quyền lợi riêng.

Kết-luận : Vì thế cho nên ta không nên lấy làm lạ là tại sao quyền tư hữu ngày nay chỉ có tính cách tương đối mà thôi. Ta không nên có một ý nghĩ tuyệt đối về quyền đó và lên án tất cả những sự xâm nhập của chính phủ. Những sự xâm nhập đó khi thực hiện với mục đích ích lợi chung bao giờ cũng là hợp pháp và chúng ta phải tuân theo trong vòng kỷ-luật và trật-tự.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) *Có người cho rằng quyền tư hữu là một quyền tự nhiên, có người lại cho đó là một bổn phận xã hội. Hai ý nghĩa đó có gì khác nhau không ? (Khi là một quyền thì mình được quyền sử dụng hay không ; khi là một bổn phận thì mình bắt buộc phải sử dụng, không sử dụng thì có thể bị tước đoạt mà trao cho người khác).*

2) *Tục ngữ ta có câu : « Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào » Câu tục ngữ này ý nói gì ? Cha mẹ đẻ của con có phải là một điều hay không ?*

ĐỀ XIV

« *Hãy phân biệt tần-tiện và hà-tiện. Vì sao cần phải tần-tiện? Tần-tiện có lợi gì cho nhà cho nước?* »

I. HƯỚNG-DẪN

Trước tiên cần phân biệt tần-tiện và hà-tiện. Tần tiện là một đức tính. Ai cũng cần phải tần tiện để phòng khi cơ nhỡ. Còn hà tiện là một tính xấu : Hà tiện mất anh, mất em, mất bè, mất bạn, chỉ biết có tiền. Sau sẽ chứng tỏ : tần tiện có lợi cho nhà, cho nước như thế nào : bảo đảm tương lai hơn, góp vốn vào việc kinh doanh làm cho nền kinh tế nước nhà thêm thịnh vượng. Thân bài có thể chia làm 2 phần :

- *Phân biệt tần-tiện và hà-tiện.*
- *Tần-tiện có lợi gì cho nhà nước.*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Có nhiều kẻ ăn xổi ở thì, chủ trương không cần biết đến ngày mai. Họ cho rằng hiện tại sung sướng là đủ. Bởi thế cho nên khi kiếm được đồng nào họ tiêu ngay đồng ấy, cốt cho ngày hôm nay sướng đã, còn ngày mai có ăn cháo với muối cũng được. Họ hoàn toàn không lo xa quá cái mũi của họ. Vì thế cho nên khi gặp những cảnh ngộ éo le, khi gặp khó khăn, trở ngại, họ thường thúc thủ khoanh tay, cam chịu một đời sống khổ cực vất vả. Lúc đó họ mới rõ giá trị của sự tiết-kiệm. Giá họ biết tiết kiệm một chút, bớt lúc no phòng lúc đói thì đâu đến nỗi họ phải khổ sở. Nhưng

trong việc tiết kiệm ta cũng cần phân biệt hai thái độ khác nhau : tần-tiện và hà-tiện.

Thân bài :

1) Phân-biệt tần-tiện và hà-tiện

Tần tiện là một đức tính. Một người tần tiện là một người biết lo xa. Hiện tại đối với họ cũng cần, nhưng tương lai còn cần hơn. Họ lo để dành tiền để phòng những khi túng thiếu hoặc khi có những món chi tiêu bất ngờ. Họ không muốn ở trong tình trạng những kẻ cơ nhỡ phải đi nhờ vả người khác để sống. Họ là những người có tư cách, không ăn tiêu quá lạm để rồi khi thiếu phải đi nói khó với người. Họ không phải là những kẻ phóng túng bừa bãi, ném tiền qua cửa sổ, nhưng họ cũng không phải là những kẻ bủn xỉn keo kiệt chỉ biết bo bo giữ tiền. Họ biết làm chủ đồng tiền của họ chứ không chịu làm đầy tớ của nó. Họ biết cách sử dụng đồng tiền. Khi có việc cần phải chi tiêu thì tiêu bao nhiêu cũng không tiếc. Khi không cần phải chi tiêu thì một đồng cũng không bỏ ra. Nhưng nguyên tắc, là không bao giờ họ để túi phải rỗng không, khiến tương lai phải mịt mờ bất trắc, nhưng cũng không bao giờ chất tiền đầy rương mà không biết làm gì.

Thái độ đó là thái độ của một kẻ hà tiện chỉ biết bo bo giữ tiền, xếp tiền đầy tủ để nhìn cho sướng mắt. Họ không dám chi tiêu, không dám ăn mặc. Nhưng nếu hỏi họ để tiền làm gì thì họ cũng không biết để làm gì hoặc trả lời lơ mơ là để cho con cháu. Vì hà tiện quá mà họ mất cả bè bạn, mất cả bà con họ hàng. Họ để đồng tiền trên hết, coi tiền như

tàn như tán. Họ là nô-lệ cho đồng tiền, đêm lo đêm, ngày lo ngày, lo sao giữ tiền cho chặt, bưng bịt cho kín. Gặp ai cũng nghi kỵ lo người ta lấy mất tiền của mình. Họ không dám tin ai mà giao tiền cho người, thậm chí còn có kẻ đem chôn tiền cho nó chắc như nhân vật Hạc Bá-Công trong hài-kịch trứ danh « Người biển lận » của kịch-gia Molière.

Hà tiện là một tính xấu. Kẻ hà tiện ưa sống cô độc lẻ loi. Và lại không ai thích giao du với họ nên họ khó lòng mở mày mở mặt với đời và cũng khó lòng mà thành công được ở đời. Tục ngữ ta đã chẳng có câu :

*« Sỏi-lời thì trời cởi cho
So-bo thì trời co lại ».*

Câu đó thực là một bài học quý giá cho những kẻ hà tiện chỉ biết có tiền là trên hết.

2) Tần-tiện có lợi gì cho nhà cho nước ?

Trở lại vấn đề của ta, ta thấy ở đời ai cũng cần phải có đức tính tần tiện vì nó vừa lợi cho nhà vừa lợi cho nước.

- *Tần tiện lợi cho nhà* : Một người biết tần tiện là một người biết lo xa, họ không bao giờ tiêu hết tiền họ kiếm ra : kiếm được nhiều để dành nhiều, kiếm được ít để dành ít. Nhưng họ cũng tránh hai thái cực : Tiêu cho hết không để dành gì, hoặc bóp chặt hết sức để dành thực nhiều.

Nhờ có tần tiện mà tương lai họ được bảo-đảm hơn, gia đình họ khỏi có những lúc túng thiếu đến phải đi cầu cạnh vay mượn người khác. Vì vay mượn tức là bán rẻ tương lai, làm cho mình đã túng thiếu lại càng túng thiếu thêm. Rồi từ đó đi đến tội lỗi chỉ còn một bước đường.

Vậy tần-tiện không những tránh cho người ta khỏi tội lỗi mà lại còn giữ vững hạnh phúc cho gia đình nữa.

- *Tần-tiện lợi cho nước* : Nhờ có tần tiện, người công dân để dành được tiền. Với số tiền đó họ có thể cho các thương gia các kỹ-nghệ gia hay các nhà ngân hàng vay để khuyếch trương kỹ-nghệ thương mại trong nước. Nếu tự họ có khả năng, họ có thể chính mình đứng lên kinh doanh. Nếu ở trong nước ai cũng biết tần tiện vqr đem số tiền mình để dành ném vào các công cuộc sản-xuất thì nguồn lợi-tức của quốc-gia sẽ tăng lên nhiều, kỹ-nghệ trong nước sẽ phát triển, thương mại phát đạt, dân sẽ chóng trở nên giàu và nước chóng trở nên mạnh. Đứng về phương diện kinh tế mà nói, muốn phát triển kinh tế một nước tất cần phải có nhiều vốn đầu-tư vào các công cuộc kỹ nghệ, thương mại, canh nông trong nước. Muốn có vốn nhiều, một phương tiện mạnh mẽ nhất là trông vào sự để dành của toàn dân.

Kết luận : Vì vậy cho nên ngày nay ở Việt-Nam vì muốn mở mang kỹ nghệ, thương mại, thực hiện chương trình kỹ-nghệ-hóa nước nhà, chính phủ đã đề-cao khẩu hiệu « Tiết kiệm để sản xuất » và hô hào dân chúng nên tích cực để dành để góp phần vào việc kiến thiết nước nhà.

Vậy bốn phận người công-dân Việt-Nam là phải tần tiện để tiết kiệm, tiết kiệm để bảo-đảm tương-lai cho bản thân mình và cũng là để góp phần vào việc kiến thiết quốc-gia.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) *Anh hãy cắt nghĩa khẩu hiệu : « Tiết-kiệm để sản-xuất » và cho biết khẩu hiệu đó có liên-quan gì với khẩu*

hiệu « Sản-xuất để tiết kiệm » không ?

2) Quyền tư-hữu, quyền tiết-kiệm và quyền thừa-kế có những liên quan gì mật thiết với nhau ? Có phải vì có quyền tư hữu mà người ta mới thiết để dành và vì có quyền để của cho con, người ta mới nghĩ đến để dành không ?

ĐỀ XV

« Trong hiến-pháp Việt Nam có nói đến quyền làm việc. Quyền làm việc có phải là quyền bắt buộc chính-phủ phải tìm việc làm cho mình không ? Phạm-vi quyền này như thế nào ? »

I. HƯỚNG-DẪN

Trước hết hãy giải thích thế nào là quyền làm việc. Mục đích của quyền này là gì ? Khi công nhận quyền này cho người công dân, nhà lập pháp có ý muốn gì ? Ta phải tìm hiểu ý muốn của nhà lập pháp thì mới không đi đến những yêu-sách quá đáng đối với chính quyền, ví dụ như bắt chính quyền phải có nhiệm vụ tìm việc cho dân. Rồi từ đó ta đi đến chỗ đặt rõ phạm vi của quyền này. Tránh không nên đi sâu vào những chi tiết có liên quan đến quyền đình công, quyền tự do lập nghiệp-đoàn, tự do hội họp, lập hội, v.v... Thân bài có thể chia làm 2 phần :

- Thế nào là quyền làm việc.
- Phạm vi của quyền làm việc.

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Khi nói đến quyền lợi công dân, hiến-pháp Việt-Nam Cộng-hòa đã không quên một thứ quyền rất quan trọng : đó là quyền làm việc. Nhiều quốc gia có tiếng là dân chủ và tiến bộ trên thế giới hoặc là đã bỏ sót hoặc là đã không dám ghi quyền này trong hiến pháp của họ. Đó là một điều mà chúng ta có thể lấy làm vinh hạnh vì các nhà

lập pháp của chúng ta, đứng trước tình trạng đau khổ của nhân dân ta vừa thoát ra khỏi một cuộc chiến tranh ghê tởm và tàn khốc, đã không ngần ngại đem lại cho nhân-dân một thứ quyền công dân rất quý giá. Đó là quyền làm việc.

Thân bài :

1) Thế nào là quyền làm việc ?

Thực vậy, chúng ta hãy thí dụ người công dân một nước được hưởng tất cả các quyền tự do : Họ được quyền tự do có của riêng, tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do hội họp, lập hội, tham chính... nhưng nếu họ thất nghiệp, không có công ăn việc làm, tương lai họ thực mờ mịt đen tối, như vậy phỏng những quyền tự do kia còn có ích lợi gì đối với họ. Có người đã hài hước nói rằng : lúc đó họ sẽ có quyền tự do chết đói. Và muốn để cho khỏi chết đói, họ sẵn sàng bán hết cả các quyền tự do của họ để đổi lấy một bát cơm vì tục ngữ ta đã có câu : « Có thực mới vực được đạo » .

Qua thí dụ trên, chúng ta thấy quyền làm việc quan-trọng đến bậc nào. Vậy thế nào là quyền làm việc ? Đó là quyền của người công dân được có công ăn việc làm để có thể nuôi sống mình và gia-đình mình. Trong các bản hiến pháp cổ, ta không thấy nói tới quyền làm việc, vì vào thời đó trong xã hội ít ai là người không có việc làm, tổ chức xã-hội còn đơn giản hơn, máy móc còn thô sơ hơn, số người còn ít hơn. Bởi thế cho nên quyền làm việc không đặt thành một vấn đề lớn lao và cấp thiết, và người ta không thấy sự cấp thiết phải ghi nó vào trong bản hiến-pháp. Nhưng ngày nay tình trạng thay đổi rất lớn : máy móc càng ngày càng

tin xảo, cách làm việc càng ngày càng khoa học, số thợ càng ngày càng đông và cũng do đó số người thất nghiệp càng ngày càng nhiều. Thực là một sự mỉa mai khi thấy một người công dân đi lang thang ngoài đường, dán mũi vào cửa kính xem một người công dân khác đang làm việc. Họ thèm khát địa vị của người đó vì họ biết rằng người đó mới thực là người công dân. Còn họ, họ thấy tất cả đều vô nghĩa vì con họ ở nhà đang khát sữa và chính bụng họ cũng rỗng không. Trước tình trạng hiểm nghèo của giới cần lao, nhà cầm quyền đã phải ban hành những biện pháp phòng ngừa và cứu trợ như luật lao-động, tổ-chức an ninh xã hội, v.v... với mục đích làm dịu bớt đau khổ của giới cần lao. Muốn được triệt-để hơn, nhiều nước đã ghi rõ trong bản hiến pháp của họ quyền làm việc của người công dân.

Theo đúng nguyên-tắc, khi một quyền đã được hiến-pháp công nhận thì người công dân có quyền đòi hỏi phải thì hành. Người công dân nào cũng có quyền làm việc. Nếu rủi ro họ thất nghiệp thì chính quyền phải tìm việc làm cho họ. Thí dụ như chính quyền phải tổ chức những « phòng tìm việc cho công nhân ». Người thất nghiệp chỉ việc đến đó ghi tên và trong khi chính quyền chưa tìm được việc cho họ thì phải trợ cấp cho họ một số tiền tối thiểu để họ đủ sống và chờ đợi.

Quyền làm việc với tất cả những hậu quả nhiều khi có vẻ bất ngờ của nó có thể nói là đã vượt quá khả-năng của các quốc gia nhất là ngày nay số người thất nghiệp càng ngày càng nhiều, không nước nào trên thế giới có thể tự hào là không có nạn thất nghiệp.

Vậy thì đứng trước tình trạng đó chúng ta phải quan niệm quyền làm việc như thế nào để cho hợp với khả-năng của chính-phủ.

2) Phạm-vi của quyền làm việc

Nhận thấy rõ những sự khó khăn của chính phủ trong giai đoạn kiến quốc, chúng ta thấy cần phải vạch rõ phạm-vi của quyền làm việc để có thể dễ dàng đem áp dụng được trên thực tế.

- Nếu chính phủ không đem lại việc làm cho tất cả mọi người được thì ít nhất là khi tuyển dụng một số người nào vào một công việc chung phải được thực hành nguyên tắc bình đẳng trước công vụ : nghĩa là những người hội đủ một số điều kiện nào đó đều có thể dự cuộc thi tuyển.

- Trong khi người công dân đang làm việc, phải thực hành một quy-chế bảo đảm công việc làm và đời sống cho họ. Dù ở công hay tư sở, họ cũng có quyền hưởng một số lương tối thiểu, hưởng các loại phụ cấp. Nếu chính-phủ hay chủ nhân muốn sa-thải họ thì phải có lý do chính đáng. Nếu rủi gặp tai nạn, họ phải được hưởng tiền bồi thường thích đáng vì đã bị mất khả-năng làm việc. Tóm lại, đối với những người đang làm việc, chính quyền phải đem thi hành nhiều biện-pháp an-ninh xã hội để bảo đảm đời sống cho họ : bảo đảm khi làm việc xảy ra tai nạn, bảo-đảm khi ốm đau, bảo đảm khi già yếu.

- Còn đối với những người thất nghiệp, chính phủ một mặt thi-hành các biện-pháp cứu tế xã hội, trợ cấp một phần nào cho họ để có phương tiện đi tìm việc làm. Ngoài ra,

chính phủ khuyến khích việc thành lập các nghiệp-đoàn công nhân và công tư chức để họ đứng lên tự bảo-vệ quyền lợi cho nhau, tự tương trợ nhau và tự tìm việc cho nhau. Hơn nữa, khi công nhận quyền tự-do nghiệp-đoàn cho công dân, chính phủ đã ném vào tay họ một thứ vũ khí rất sắc bén để họ có thể chống lại những mưu toan và những tham vọng của giới chủ.

Làm được như vậy tức là chính phủ đã làm cho quyền làm việc được thi-hành một phần lớn trên thực tế.

Kết luận : Vậy chúng ta, không nên quan niệm quyền làm việc một cách quá cứng rắn và đòi hỏi quá nhiều ở chính phủ. Làm như vậy chúng ta còn tỏ ra ỷ lại, thiếu tinh thần tự lực cánh sinh. Trái lại, nếu chúng ta quan niệm quyền làm việc một cách đúng đắn thì ta phải hiểu rõ khả-năng của chính phủ và ta chỉ đòi hỏi những cái gì ta biết có thể thực hiện được. Một khi chính phủ đã thực hiện được những điều kể trên thì chúng ta có thể tin rằng quyền làm việc đã được đảm bảo một cách chắc chắn và đó cũng là bước đầu để chính phủ tiến tới giải quyết công ăn việc làm cho toàn dân.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) Thế nào là an ninh xã-hội ? Tại sao đến ngày nay vấn-đề này mới được đặt ra một cách cấp thiết và người ta đã làm được những gì để bảo đảm đời sống cho người lao-động ?

2) Tại sao quyền đình-công và quyền tự do nghiệp-đoàn lại là 2 lợi khi rất mạnh để người công dân lao-động bảo vệ

quyền lợi của họ chống những mưu toan của phái chủ nhân.

3) Hiện nay chính phủ đang hô hào « lao tư hợp tác », « công tư lưỡng lợi ». Hãy giải thích 2 khẩu hiệu đó. (2 khẩu hiệu đó chứng tỏ chính-phủ ta chủ-trương đoàn-kết giai-cấp để chống lại chủ-trương giai-cấp đấu tranh).

ĐỀ XVI

« Người ta thường cho rằng trong một xã-hội luật-pháp có công-minh, nhà cầm quyền có chính-trực thì xã hội đó sẽ được an-ninh và thịnh-vượng. Ý nghĩ trên có đúng không ? Tại sao ? »

I. HƯỚNG-DẪN

Trước khi bình luận ý nghĩ trên, cần phải giải thích thế nào là luật-pháp công-minh, thế nào là nhà cầm quyền chính-trực. Luật pháp công minh thì sẽ đưa đến những kết quả gì ? Nhà cầm quyền chính trực thì sẽ thực hiện được những gì ? An ninh thịnh vượng có phải là kết quả tất yếu của một nền cai trị công-minh không ? Trả lời được những câu hỏi đó tức là ta đã giải quyết xong vấn đề trên. Không nên đi sâu vào chi tiết vụn vặt như cắt nghĩa thế nào là luật pháp, thế nào là nhà cầm quyền. Khi cho bài này, người ta đã coi như là mình đã hiểu rõ những chi tiết đó rồi. Vậy thân bài chia làm 2 phần :

- *Giải-thích luật-pháp công-minh và nhà cầm quyền chính-trực.*

- *Tại sao pháp luật công minh và nhà cầm quyền chính trực thì xã hội sẽ được an ninh thịnh vượng.*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Có người nói rằng : « Cứ xem tình trạng pháp luật một nước, và thái độ của nhà cầm quyền nước đó, người ta sẽ biết rõ nước đó đang hưng thịnh hay suy

vong ». Câu nói đó khiến ta phải suy nghĩ khi đem nó liên hệ với câu nói : « Trong một xã hội luật pháp có công minh, nhà cầm quyền có chính trực thì xã hội đó sẽ được an ninh thịnh vượng ». Thực ra 2 câu nói đó chỉ là một ; câu trên có tính cách bao quát hơn và câu dưới rõ ràng hơn. Vậy hiểu rõ ý nghĩa câu dưới tức là ta đã giải quyết được câu trên.

Thân bài :

1) Luật-pháp công-minh và nhà cầm-quyền chính-trực

a) Luật pháp của một nước thế nào có thể gọi được là công minh ? Luật pháp một nước muốn gọi được là công minh phải có những điều kiện sau :

- Luật pháp đó phải do những đại biểu chân chính của dân (quốc-hội) làm ra và vì quyền lợi của dân. Vậy nếu luật pháp là do một đảng làm ra và vì quyền lợi của đảng thì không thể gọi được là công minh dù rằng nó có được đưa ra để một quốc-hội bù-nhìn thông qua.

- Luật pháp đó phải luôn luôn đi sát với tình trạng sinh hoạt của dân, giải quyết được những khó-khăn cho dân, không viển vông mơ hồ, không xa rời thực tế. Luật pháp không bắt dân phải theo mà để dân vui lòng tuân theo. Nói thế không phải bảo rằng luật pháp không nghiêm, dân muốn theo thì theo, không theo thì thôi. Thực ra luật pháp làm ra là cốt để cho dân theo. Nếu trái ý dân, dân không chịu theo thì dù cho bắt buộc cũng là vô ích.

- Luật pháp phải nghiêm, phải có hình phạt rõ ràng để trừng trị những kẻ nào vi phạm. Nếu luật pháp không

nghiêm thì cho dù hay đến đâu kết quả thu lượm được cũng không có gì. Khi dân đã lờn với luật pháp thì luật pháp đó không còn giá trị gì nữa. Trái lại luật pháp mà nghiêm minh thì dân theo răm-rắp. Như vậy những việc đã dự định tất phải thực-hiện, những việc đã được thực hiện tất phải thành công.

- Luật pháp phải không thiên-vị ai, không nhằm riêng một nhóm người nào. Nó nhằm chung cả toàn dân, hay ít ra cũng một tầng lớp nào và đem lại lợi ích cho tất cả mọi người chứ không phải chỉ lợi cho riêng một mình ai hay một nhóm người nào. Luật pháp có vô tư thì mới dễ công bằng và sáng suốt.

b) Nhà cầm quyền một nước như thế nào được gọi là chính trực ? Muốn được coi là chính trực, nhà cầm quyền một nước cần phải có những đức tính sau :

- Họ phải là những người luôn luôn đặt quyền lợi của dân lên trên hết, có tinh thần phục vụ vô điều kiện, sẵn sàng hy sinh quyền lợi của cá nhân mình cho quyền lợi tối cao của tổ-quốc, luôn luôn tranh đấu cho quyền lợi của đồng bào.

- Họ phải luôn luôn đi sát với nguyện vọng của dân, hiểu rõ nỗi khổ của dân, phải yêu cái của dân yêu, ghét cái của dân ghét, như Khổng-Tử đã nói : « dân chi sở ố, ố chi, dân chi sở ái, ái chi, thử chi vị dân chi phụ mẫu ».

- Họ phải luôn luôn có tinh thần tôn trọng và bảo vệ luật pháp, làm sao cho luật pháp được triệt để thi hành và nghiêm khắc trừng phạt những kẻ vi phạm. Nếu nhà cầm

quyền tỏ ra nhu nhược về điểm này thì chắc chắn luật pháp sẽ không được thi hành một cách nghiêm chỉnh.

- Họ phải có tinh thần liêm khiết, lúc nào cũng lấy công tâm ra làm việc, không phá-hoại của công, không thiên-vị, không tư túi mà đổi trắng thay đen, không để cho những kẻ tiểu nhân đắc chí và những kẻ oan khuất không giải được nỗi oan của mình mà sinh ra uất ức.

- Họ là những người bao giờ cũng lo trước thiên hạ và vui sau thiên hạ : nghĩa là khi người ta chưa lo, mình đã lo rồi, còn khi người ta vui thì mình vẫn chưa được vui.

2) Tại sao luật-pháp công-minh và nhà cầm-quyền liêm-chính, nước lại được an-ninh và thịnh-vượng ?

Khi ta được biết rõ thế nào là công-minh liêm-chính, thì vấn-đề này không có gì là khó khăn nữa.

Luật pháp mà mà nghiêm minh và nhà cầm-quyền lại công bằng ngay thẳng nữa thì bọn gian phi sẽ không có đất hoành hành, bọn lừa bịp sẽ chóng bị gỡ mặt nạ, người ngay thẳng được yên tâm làm ăn. Những kẻ xấu sẽ dần dần bót đi, số người hay sẽ dần dần tăng lên. Xã hội sẽ trở nên lương hảo, mà trong một xã-hội lương-hảo thì người xấu cũng hóa tốt, người tốt thì lại càng tốt hơn.

Lúc đó sẽ có tình trạng : ban đêm đi ngủ không cần đóng cửa, ngoài đường đánh rơi cái kim không sợ mất. Trong một xã hội như vậy thì làm gì còn hỗn độn. Trật-tự an-ninh là lẽ dĩ nhiên. Trật-tự an-ninh đây không phải là một thứ trật-tự an-ninh cảnh-sát bắt buộc người ta phải theo một cách mù quáng. Nó hoàn toàn là do ý-thức tự-giác

của người công dân. Tự họ, họ tuân theo luật-pháp và nhà cầm-quyền, tự họ, họ giữ lấy trật-tự an-ninh. Lực lượng để bảo vệ trật-tự an-ninh vẫn có nhưng ít khi phải dùng đến vì dân chúng đã tự động tuân theo luật-pháp và nhà cầm-quyền rồi thì lực-lượng đó cũng chẳng dùng để làm chi.

Một xã hội an-ninh trật-tự như vậy tất nhiên là sự làm ăn phải hưng thịnh vì ai ai cũng tin tưởng vào chính phủ, vào tương lai, ai ai cũng sẽ dễ dàng tuân theo lời chỉ dẫn của chính-quyền để tiến-hành công việc kinh doanh cho có kết-quả. Sự làm ăn buôn bán sẽ được trường-tồn, vốn liếng thu góp càng ngày càng nhiều, lợi-tức quốc-gia càng ngày càng tăng, mức sống của người dân cũng theo đó mà tăng lên. Những công-tác an-ninh xã-hội được thực-hiện đầy đủ làm cho đời sống của giới cần-lao thêm nhiều bảo đảm.

Tất cả những cái đó thực-hiện được tức là quốc-gia càng ngày càng trở nên thịnh-vượng phú-cường. Người ta không thể căn cứ vào một số người giàu có làm ăn phát-đạt trong một nước mà cho thế là nước đó thịnh-vượng. Tình trạng thịnh-vượng đây phải là tình trạng chung của mọi tầng lớp nhân-dân được hưởng một mức sống cao và bảo đảm.

Tình trạng đó chỉ được thực-hiện khi trong nước có một nền luật-pháp tốt và được các nhà cầm quyền chính-trực thi-hành.

Kết luận : Nước ta đang trên con đường kiến-thiết dân-chủ, ta có một nền luật-pháp công-minh dựa trên một bản hiến-pháp tiến-bộ, ta có các nhà cầm-quyền cương-trực biết để quyền-lợi chung lên trên quyền lợi riêng, như vậy trong

công việc kiến-thiết quốc-gia, chắc-chắn chúng ta sẽ thực-hiện được một xã-hội an-ninh và thịnh-vượng.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) Tại sao người dân trong một nước dân-chủ cần phải tôn-trọng và bảo-vệ luật-pháp ?

2) Trong một nước dân-chủ tự-do, người ta cần phải có những biện pháp gì để cho luật-pháp được tôn trọng và quyền lợi công dân được bảo vệ ?

ĐỀ XVII

*« Tình yêu nước mù quáng đưa đến những hậu quả gì ?
Ta phải làm thế nào để cho tình yêu nước phù hợp với tình
yêu nhân loại ? »*

I. HƯỚNG-DẪN

Trọng-tâm bài này là làm sao điều hòa được tình yêu nước với tình yêu nhân loại. Ta cần vạch rõ trước tiên những hậu quả tai hại của tình yêu nước mù quáng : cô lập quốc gia, gây thù ghét dân tộc, kích động chiến tranh. Chứng tỏ là khi một người phối-hợp được 2 thứ tình yêu đó thì họ vừa giúp ích cho nhân loại mà lại vừa làm lợi cho quốc gia, dân tộc. Tóm lại 2 tình yêu đó không mâu thuẫn nhau mà còn bổ túc cho nhau khiến các quốc gia có thể cùng chung sống trong đại gia-đình thế-giới. Thân bài cũng nên chia làm 2 phần :

- *Những hậu quả tai hại của tình yêu nước mù quáng.*
- *Làm thế nào để phối-hợp tình yêu nước và tình yêu nhân loại.*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Người ta sinh ra, mấy ai không có lòng yêu nước. Vì tình yêu nước cũng thiêng liêng và tự nhiên như tình mẫu tử, trong những lúc bình thời, nó ít có dịp bộc lộ ra ngoài nhưng khi tổ quốc lâm nguy thì nó rạt rào sôi nổi khiến cho người ta có thể trở nên anh-hùng, liệt-sĩ trong khoảnh khắc. Chính lòng yêu nước đã thổi sức sống cho dân

tộc, đã gắn bó chặt chẽ những người đã cùng sống chung trên một mảnh đất. Nó làm cho mỗi một người đều có tinh thần quốc gia mạnh mẽ. Nhưng nếu ta cổ võ lòng yêu nước thì ta cũng cần đề-phòng một xu-hướng quá trớn. Đó là tình yêu nước mù quáng nó làm cho các nước trên thế giới khó lòng sống chung được với nhau.

1) Thế nào là tình yêu nước mù quáng và hậu-quả của nó là gì ?

Tình yêu nước mù quáng có những đặc-điểm sau :

- Quá yêu nước đến nỗi là chỉ nhìn thấy cái hay của mình mà không nhìn thấy cái hay của người, nhiều khi lại còn tìm cách tha thứ hoặc bào chữa cả cho cái dở của mình. Ví dụ : tình trạng nước ta và nước Tàu vào thế kỷ 19, tự cho mình là hay hơn tất cả thiên hạ, không chịu học hỏi ai, ai cũng cho là man-di, bạch-quỉ hết.

- Vì chỉ biết tôn trọng mình nên dễ sinh ra thù ghét các dân tộc khác, không muốn cho họ giàu mạnh, không coi người nước họ ra gì, có giết họ đi cũng không thương tiếc hơn một con vật. Nhiều khi người ta còn nảy ra ý định nô-lệ-hóa dân-tộc khác hoặc tiêu-diệt họ để riêng cho một dân-tộc mình sống.

- Lòng yêu nước mù quáng làm cho người ta sinh ra ích kỷ. Khi phải giải quyết những vấn đề quốc-tế thì lại chỉ biết đến quyền-lợi của riêng quốc-gia mình thôi. Thiên hạ muốn nghiêng ngửa cũng mặc, miễn mình yên là đủ.

Thực ra thì xét cho cùng, tình yêu nước mù quáng cũng có những nguyên nhân của nó : nguyên-nhân đó có thể là

sự phản ứng đối với những hành-động khiêu-khích của ngoại bang hoặc sự căm hờn đối với kẻ thống-trị tàn bạo.

Nó thường diễn ra bằng những hành động quá-khích như tàn-sát, phá-phách, đánh đập. Nó thường là phản ứng của một dân-tộc yếu đối với sự lấn át của một dân-tộc mạnh.

Dù sao thì lòng yêu nước mù quáng cũng đưa đến những hậu-quả rất tai hại :

- Làm cho nước ta bị cô-lập vì ta đã không thân thiện với người thì tất người cũng không thân thiện với ta.

- Không học hỏi được cái hay cái giỏi của người khiến ta càng ngày càng trở nên lạc hậu, không được hưởng những kết-quả tối tân của nền khoa-học hiện-đại.

- Gây tinh-thần thù ghét dân tộc khiến chiến-tranh có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Không những mình có thể bị nước khác xâm lược mà chính mình cũng là một mối đe dọa thường trực cho nước khác. Hòa bình thế-giới khó lòng duy trì.

- Lòng yêu nước mù quáng xui nên có những hành động sôi nổi, thiếu suy nghĩ dẫn đo, có thể đưa đến những hậu-quả rất tai hại : Ví dụ như phá phách sứ-quán một nước có thể làm cho 2 nước tuyệt giao. Như vậy sẽ có hại cho cả đôi bên.

Nếu mình là một nước yếu thì hậu-quả lại càng tai hại, ngoại-bang có thể kiếm cơ để xâm lăng nước ta. Thí dụ : nước Việt-Nam hồi cuối thế kỷ 19.

2) Cần phải phối-hợp tình yêu nước với tình yêu nhân-loại

Tình yêu nhân-loại dạy chúng ta :

- Tất cả mọi người trên thế-giới đều là anh em « Tứ hải giai huynh-đệ », cần phải thương yêu nhau như một nhà.

- Không nên có tinh thần tự-cao tự-đại dân-tộc vì cũng không nên có tinh-thần thù ghét ngoại-bang.

- Các quốc gia sống trong đại gia-đình thế giới cần phải hiểu biết rõ quyền lợi của nhau và nhân nhượng lẫn nhau, cùng tôn trọng chủ quyền của nhau.

- Nhân-loại hiện nay đang ở trên đường tiến triển về chính-trị, kinh-tế, văn-hóa, xã hội và nhất là khoa-học. Ta không nên có óc đố-kỵ và phải coi mỗi thành tựu của nước khác cũng như thành tựu của chính mình. Khi có những phát minh khoa học mới thì cũng phải coi là những pháp minh đó sẽ phụng sự cho nhân loại chứ không cho riêng nước mình.

Tình yêu nước phối hợp với tình yêu nhân loại sẽ làm cho ta tránh được tình trạng yêu nước mù quáng, vì mỗi khi ta làm việc gì, ta sẽ bị 2 ý niệm quốc gia và nhân loại chi-phối khiến ta có thể tránh được những hành-động quá khích có hại.

Làm cái gì có lợi cho mình và có hại cho người, ta quyết không làm. Như vậy sẽ tránh cho nhân-loại bao nhiêu đau thương tang tóc.

Tình yêu nước đi đôi với tình yêu nhân loại khiến ta có thể trở nên một người có tinh thần quốc tế mà vẫn giữ được

tinh thần quốc gia. Ví dụ như một đội banh đi viễn du nước ngoài. Trong những trận đấu vẫn giữ vững được tinh thần hòa hảo, hữu-nghị mà vẫn bảo vệ được danh dự quốc gia bằng những thắng lợi vẻ vang.

Với một tình yêu thương nhân loại thắm thiết, một nhà bác học đã sáng chế ra một thứ thuốc chữa bệnh ung thư. Như vậy ông đã cứu bao nhiêu mạng con người trên thế giới thoát khỏi bàn tay tử thần và đồng thời ông cũng làm rạng danh quốc gia của ông. Ông đã là một người yêu nước.

Một nhà chính trị có lòng yêu thương nhân loại sẽ chủ trương một chính-sách hòa-bình đem lại thịnh-vượng chung cho cả thế giới. Và trong tình trạng hòa bình và thịnh vượng chung đó, nước họ cũng được hưởng tự do và hạnh phúc. Nhà chính trị đó là một nhà đại ái quốc.

Những thí dụ trên chứng tỏ nếu biết phối hợp tình yêu nước và tình yêu nhân-loại, người ta sẽ thực-hiện được hòa bình cho thế giới và hạnh phúc chung cho tất cả mọi người.

Kết luận : Chúng ta, những thanh niên của thế hệ mới, ta không nên đi vào vết bánh xe cũ của lòng yêu nước mù quáng để hứng lấy những kết quả không hay. Chúng ta phải biết phối-hợp tình yêu tổ quốc và tình yêu nhân loại thì trong công việc kiến-quốc chúng ta mới gặp được nhiều sự dễ dàng do quốc tế đem lại cho chúng ta. Ta không nên có thái độ hung hăng bài ngoại khiến cho ngoại quốc có thể hiểu lầm ta và cắt đứt những giao-dịch với ta. Lúc đó, dù có muốn, ta cũng không thể nào thành-công nhanh chóng trong việc kiến thiết tổ quốc. Như vậy thì sao gọi là yêu

nước. Vậy muốn yêu nước có hiệu quả thì phải biết yêu cả nhân loại nữa.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) Anh hãy giải thích tư tưởng sau : « Một quốc-gia là kết tinh của một quá khứ lâu dài ».

2) Trước sự tiến hóa của văn minh thế-giới, chủ nghĩa quốc gia riêng biệt có thể tồn tại được không ? Vì sao trước những sự tiến hóa đó, các dân tộc trên thế giới mới cần phải hợp tác với nhau ?

3) Đọc lịch sử nước nhà, anh tất đã rõ cái chết của ông Lê-Lai. Vậy theo ý anh cái chết của vị anh-hùng đó xây dựng trên quan niệm trung quân hay ái quốc ?

4) Bình giải câu nói sau đây của một thi-sĩ Pháp « Anh hãy cống hiến cho tổ quốc của anh tất cả những gì mà anh có : trái tim và cánh tay của anh, tài sản và đời sống của anh. Kẻ nào ngần ngại mà không chịu chết cho tổ-quốc, vĩnh viễn là một kẻ hèn ».

ĐỀ XVIII

« Anh hãy giải-thích vì sao có chế-độ quân-dịch và vì sao quân-dịch lại là một vinh-dự lớn cho người công-dân ».

I. HƯỚNG-DẪN

Mục đích chính của bài này là làm cho mọi người rõ sự cần-thiết và sự hợp lý của chế-độ quân-dịch. Chế-độ này được thực-hiện ở hầu hết các nước dân-chủ trên thế-giới và nó đã đem lại những hậu-quả gì ? Muốn làm bài này thành công, phải đặt người đọc vào địa-vị một người sắp thị hành quân-dịch có nhiều thắc mắc mà mình thì phải có nhiệm-vụ giải-thích cho họ yên tâm và phấn-khởi ra đi làm tròn phận sự. Cái khó là ở chỗ đó. Vì thế lý-luận cần phải rành mạch khúc chiết. Chính mình phải thông tư-tưởng đã, thì mới giải-thích cho người khác thông được. Vậy thân bài có thể chia làm 2 phần :

- *Sự hợp-ly và cần-thiết của chế-độ quân-dịch.*
- *Quân-dịch là một vinh-dự lớn cho người công-dân.*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-hòa trong điều thứ 29, đoạn 3 về nhiệm-vụ công-dân có nói : « Ai ai cũng phải làm tròn nhiệm-vụ quân-dịch theo thể thức và trong giới-hạn luật định ». Trên thực-tế hiện nay đã có bao từng lớp thanh-niên từ thành-thị đến nông thôn đã lên đường thi-hành quân-dịch và đã trở nên những con người tháo-vát rắn rỏi và xứng đáng là thanh-niên của thời-đại. Vậy ta hãy tìm

hiểu thế nào là quân-dịch và vì sao quân dịch lại là một vinh-dự lớn cho người công-dân.

Thân bài :

1) Sự cần-thiết và hợp lý của chế-độ quân dịch

Nếu ta nhìn vào lịch-sử ta sẽ thấy chế-độ quân-dịch chỉ mới được thực hiện dưới thời-đại dân-chủ.

Dưới thời kỳ phong-kiến, các vua chúa thường xuất tiền kho ra tuyển mộ những đạo quân nhà nghề, hoặc khi cần đến cho người về các làng xa bắt lính bắt phu, khiến thanh-niên nhiều khi phải bỏ chạy lên rừng lên núi lẩn trốn.

Tại sao lại như vậy ? Bởi vì thời đó, đi lính là để phụng-sự quyền-lợi của nhà vua và mỗi lần đi như vậy là có khi tới hàng mười năm mới được về « Chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về » (Chinh Phụ Ngâm). Thật là cực khổ trăm chiều mà quyền-lợi thì không được hưởng chút gì. Đi thế khi gặp chiến chinh một đạo quân nhà nghề số lượng có hạn không đủ khả-năng đối phó với những cuộc chiến-tranh tối-tân. Muốn đối phó được thì phải luôn luôn có dưới cờ một đạo quân rất lớn, như vậy sẽ tốn kém rất nhiều cho công quỹ quốc-gia.

Bước sang thời kỳ dân-chủ, việc nước không phải chỉ là việc của nhà vua mà là việc của toàn dân phải dơ vai gánh vác. Một trong những nhiệm-vụ quan-trọng nhất là nhiệm-vụ bảo-vệ tổ-quốc. Nhiệm-vụ đó cũng phải do toàn dân gánh vác. Nhưng chẳng lẽ toàn dân đều đi lính cả. Chẳng lẽ việc quân cơ lại để cho một đạo quân nhà nghề gánh vác cả, còn toàn dân thì không có trách-nhiệm gì ? Xảy khi động

dụng làm sao đối phó kịp với tình-thế ? Vì thế nên người ta đã nghĩ ra chế-độ quân-dịch. Toàn thể thanh-niên trai tráng đến tuổi trưởng thành đều phải luân phiên nhau thực-hiện nghĩa-vụ quân-sự. Mỗi lớp người sẽ được gọi ra tòng ngũ trong một thời gian từ 18 tháng đến 2 năm để quen với việc binh giáp, quen sử dụng vũ khí, quen chịu đựng gian khổ. Nói tóm lại trong thời kỳ quân-dịch mỗi người dân tập sự để làm một người lính thực thụ. Không ai thoát khỏi thời kỳ đó và ai cũng vui lòng thực hiện vì thấy rõ đó là nghĩa-vụ cao cả của người công-dân một quốc-gia dân-chủ.

Thực-hiện được chế-độ quân-dịch, quốc-gia sẽ đạt được lý-tưởng dân-chủ vì mỗi người dân sẽ là một người lính để bảo vệ tổ-quốc. Quốc gia không tốn hao công quỹ để cấp dưỡng một đạo quân nhà nghề rất lớn. Đến khi hữu sự, khả năng động viên lại lớn hơn, người ta có thể thành lập trong một thời gian rất ngắn những đạo quân lớn, tinh nhuệ để kịp thời đối phó với tình thế.

Vì nhận thấy sự hợp lý và cần thiết của chế-độ quân dịch nên hầu hết các nước trên thế giới ngày nay đã đem nó ra thực hiện và thu được nhiều kết quả khả quan. Hơn nữa với chế độ quân dịch người ta thực hiện được một cách cụ thể tình đoàn-kết quân dân, mỗi người dân là một quân nhân trừ bị, mỗi người lính là một người dân. Lý tưởng là làm sao chỉ cần một số quân nhân thường xuyên tại ngũ để làm nòng cốt, còn tất cả đều luân-chuyển để cho việc quốc-phòng thực sự là một việc của toàn dân.

2) Quân-dịch là một vinh-dự lớn cho người công-dân

Như ở trên đã nói, chỉ có dưới chế-độ dân-chủ người công-dân mới thực sự làm chủ đất nước. Lúc đó mới thấy mình có nghĩa vụ nặng nề phải bảo vệ đất nước của mình. Nghĩa-vụ đó không thể giao phó vào tay một người nào hay một nhóm người nào. Nghĩa vụ đó toàn dân phải tự mình đứng ra đảm nhiệm lấy, luân phiên nhau mà thi hành. Được phục vụ dưới ngọn cờ tổ quốc, người thanh niên quân-dịch phải lấy thế làm vinh dự vì họ đang làm một nhiệm vụ rất cao cả, rất đáng khen. Họ được dịp tích cực phụng sự tổ-quốc nếu tổ-quốc cần đến bàn tay của họ. Nhiều kẻ hoặc vì không xứng đáng, hoặc vì có tội nên đã mất cái quyền và cái vinh dự đó. Tổ-quốc không thể trao vào tay họ một nhiệm vụ tối thiêng-liêng mà chỉ những người công-dân xứng đáng mới có quyền làm.

Vì thế cho nên người thanh niên quân dịch cần gạt bỏ những ý nghĩ không đúng, sợ quân dịch vất vả, sợ quân dịch phải ra mặt trận, coi quân-dịch như một việc đi phu đi lính dưới thời Pháp thuộc, thậm chí còn có kẻ muốn trốn cả quân-dịch.

Quân-dịch tuy có vất vả nhưng nó đào luyện cho mình trở nên một con người tháo vát, không sợ khó khăn nguy-hiểm. Nó là một trường học rất tốt để sửa soạn cho mình sau này ra đời thu lượm được nhiều thành công.

Quân-dịch có khi phải ra mặt trận, nhưng đó có phải là một cái tội không. Khi trong nước có giặc giã, khi nước bị xâm-lăng, có người thanh-niên nào lại trốn tránh nhiệm vụ bảo-vệ tổ quốc, bảo-vệ nền dân-chủ không ? Như thế thì tại sao lại sợ trong khi đó có biết bao nhiêu người muốn xung-

phong để làm nghĩa-vụ. Mình được đi trước người khác không phải là một danh-dự sao ?

Còn coi việc quân-dịch như là đi lính thì lại càng không đúng nữa. Đi phu đi lính là dưới thời kỳ phong-kiến đế quốc, mình bị người ta áp bức đi làm để phụng-sự quyền lợi cho bọn thống-trị. Còn thi-hành quân-dịch là một việc mình làm để phụng sự cho chính quyền lợi của mình. Sự bắt buộc là do ở mình để làm những việc quan hệ đến sự sống còn của quốc-gia dân-tộc.

Kết luận : Chúng ta, những người thanh-niên Cộng-hòa chúng ta phải tích-cực hoạt-động để xây-dựng nền tự-do dân-chủ, Cộng-hòa Nhân-vị ; chúng ta phải gát bỏ tất cả những thành-kiến sai lầm và coi việc quân-dịch như một nghĩa-vụ cao-cả nhất, trọng đại nhất mà mỗi người thanh-niên cần phải thực-hiện để cho nước ta đủ sức đối phó với tình thế. Nếu tất cả thanh-niên chúng ta đều làm tròn nghĩa-vụ quân-dịch thì chắc chắn nước ta sẽ vượt qua được nhiều khó khăn trong giai-đoạn hiện tại. Việc kiến--thiết nước nhà sẽ thu-hoạch được kết-quả mỹ-mãn khiến ta chóng ra thoát khỏi tình-trạng kém mớ mang, góp phần vào việc kiến-thiết một nhân-loại hòa-bình và thịnh-vượng.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) *Vì lý-do gì cái chết của người lính ngoài mặt trận lại là cái chết vinh-quang nhất ?*

2) *Chế-độ quân-dịch ở nước ta đã được thực-hiện như thế nào ? Mỗi người dân cần phải làm gì để làm tròn nhiệm-vụ quân-dịch.*

3) Anh hãy giải thích tại sao chỉ có một chế-độ quân-dịch quan-niệm và thi hành một cách đúng-đắn mới thực-hiện được đầy đủ khẩu hiệu « quân dân đoàn-kết ».

ĐỀ XIX

Một chính-sách thuế khóa công-bình và hợp-lý sẽ làm cho quốc-gia chóng trở nên giàu mạnh. Ý-nghĩ trên có đúng không? Tại sao?

I. HƯỚNG-DẪN

Trọng-tâm bài này là giải-quyết vấn-đề liên-hệ giữa chính-sách thuế khóa và đời sống của nhân dân. Từ đó ta đi đến chỗ xác nhận nhiệm vụ của công-dân là phải đóng thuế góp phần vào việc chi tiêu của nhà nước. Ta cần phải giải thích thế nào là một chính sách thuế khóa công-bình và hợp-lý và vì sao một chính-sách thuế-khoá công-bình và hợp-lý lại làm cho quốc-gia chóng trở nên giàu mạnh. Thân bài chia làm 2 phần :

- *Thế nào là một chính-sách thuế khóa?*
- *Tại sao một chính-sách công-bình và hợp-lý lại làm cho quốc-gia trở nên giàu mạnh?*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Hiến-pháp Việt-Nam trong điều thứ 29 đoạn 4 có nói : « Mọi người dân đều có nhiệm vụ góp phần vào sự chi tiêu công cộng tùy theo khả năng đóng góp của mình ». Do đó ta thấy người công dân có bốn phận phải đóng thuế cho nhà nước. Với món tiền thu được chính phủ sẽ đem sử dụng vào các việc công ích. Nhờ có thuế má do dân đóng góp mà mỗi quốc-gia mới có một nền tài chánh riêng. Tùy theo tình hình tài-chính một quốc-gia dồi dào hay thiếu thốn

mà quốc gia đó cường thịnh hay suy yếu. Có người lại còn cho rằng : một chính sách thuế khoá công-bình vì hợp-lý sẽ làm cho quốc-gia chóng trở nên giàu mạnh. Ta hãy thử xét xem câu nói đó có đúng không ?

Thân bài :

1) Thế nào là một chính-sách thuế khoá ?

Người ta thường nói đến chính-sách thuế khoá của chính-phủ. Vậy thế nào là một chính-sách thuế khoá ? Chính-sách thuế khoá là một chính-sách do đó chính-phủ thu tiền vào và phát tiền ra. Số tiền thu vào do phần lớn là thuế má thu của dân. Thuế má gồm có thuế trực thu và thuế gián thu. Số tiền chi ra phần nhiều là chi vào các việc công ích ví dụ như trả lương công-chức, tổ-chức quân-đội, mở mang đường sá, cầu cống, trường học, nhà thương, v.v... Số tiền chi ra thường thường phải bằng-bằng với món tiền thu vào. Hằng năm chính-phủ phải lập một bản chi thu như vậy. Bản chi thu đó gọi là ngân sách quốc-gia. Nếu các món chi tăng lên thì cũng phải tăng các món thu. Nhưng không bao giờ việc chi tiêu lại có thể vượt quá khả-năng của các món thu. Như thế có nghĩa là : nếu không thu được các khoản thuế mới thì cũng phải hãm bớt sự chi tiêu lại. Nếu số chi vượt quá số thu thì ngân-sách quốc-gia sẽ mất bằng-bằng, nền tài chánh sẽ bị hao hụt. Vậy chính-sách thuế khoá của một nước phải làm sao cho các khoản chi luôn luôn bằng bằng với các khoản thu. Nếu muốn tăng thêm các khoản chi tiêu như mở mang thêm đường sá, bệnh viện, trường học thì trước hết phải xét xem khả năng của dân còn có thể đóng góp là bao nhiêu, tăng thuế như vậy có

ảnh hưởng nhiều đến đời sống của nhân dân không ? Có thể tăng được bao nhiêu ? Tăng những loại thuế nào, đánh vào những hạng người nào ? Đó là tất cả những vấn đề mà chính-phủ phải đặt ra khi muốn thực hiện một chính-sách thuế khóa. Ngoài ra khi cần chi tiêu, chính-phủ có thể dự chi về những vấn-đề gì trước : về việc mở đường sá trước hay về việc xây dựng những khu lao-động trước, về việc binh-bị trước-hay về việc giáo-dục trước. Điểm này rất quan trọng bởi vì tùy theo thái độ của chính-phủ trong việc chi tiêu mà chính-sách thuế khóa có thể thay đổi rất nhiều và sự đóng góp của dân có thể tăng hay giảm.

2) Tại sao một chính-sách thuế-khoá công-bình và hợp lý lại làm cho quốc-gia chóng trở nên giàu mạnh ?

Trước hết ta phải nhận thấy ngay một chính-sách thuế khóa bắt người dân phải đóng thuế đồng đều cho chính-phủ là một chính-sách rất bất công vì trong xã-hội có người nghèo người giàu. Nếu người giàu đóng thuế rất dễ dàng thì người nghèo lại phải đóng thuế hết sức cực nhọc. Ta cứ xem dưới thời Pháp-thuộc chỉ vì 2 đồng bạc thuế mà có người phải bán vợ đợ con thì biết.

Vậy một thứ thuế công bằng phải là một thứ thế-lũy-tiến nghĩa là người nghèo đóng ít hơn người giàu, người kiếm được ít đóng ít hơn là người kiếm được nhiều. Chính-phủ có thể đánh thuế rất nặng vào những loại xa-xỉ phẩm và có thể miễn thuế hay đánh thuế rất nhẹ vào những thứ hàng thông dụng. Một trong những thứ thuế công-bình và hợp-ly nhất là thuế lợi-tức đánh vào những số tiền mà mỗi người kiếm ra được sau khi trừ những khoản chi tiêu về gia-

đình của họ. Lẽ công bằng bó buộc là phần đóng góp của người nào phải tương đương với năng lực đóng thuế của người đó. Và lẽ dĩ nhiên người có lợi tức nhiều sẽ đóng thuế nhiều hơn người có lợi-tức ít. Một người lương ít và đông con có khi được miễn thuế.

Nhờ có chính-sách thuế khóa công-bình và hợp-lý, chính-phủ có thể thu được nhiều hơn mà vẫn không giảm khả năng đóng góp của toàn dân. Nhờ thu được nhiều tiền thuế, chính-phủ có thể thực hiện được nhiều công cuộc cải tạo xã-hội, cải-tiến dân sinh như mở trường học, mở nhà thương, tổ chức cứu-tế xã-hội, trợ-cấp cho những công cuộc có ích lợi chung. Những việc đó có thể làm nâng cao mức sống của nhân dân lao động. Một mặt khác, chính phủ có thể bỏ tiền vào các công cuộc kinh doanh kỹ nghệ thương-mại làm thay đổi bộ mặt kinh-tế trong nước. Nhân dân làm ăn phát-đạt kiếm được nhiều lợi-tức hơn, sự thu-hoạch của chính-phủ càng tăng-gia, chính phủ càng có nhiều phương-tiện để thực hiện những cải-cách xã-hội quan-trọng hầu nâng cao hơn nữa mức sống của nhân dân. Như vậy một chính-sách thuế khóa công-bằng và hợp-lý không có tác-dụng làm cho quốc-gia trở nên giàu mạnh sao ?

Kết-luận : Sau khi hiểu rõ lợi-ích của một chính sách thuế khóa công-bình và hợp-lý, chúng ta càng thấy rõ bổn-phận của mỗi người công dân dưới chế-độ Cộng-hòa nhân-vị : bổn phận phải góp phần vào việc chi tiêu công cộng tùy theo khả năng của mỗi người đúng như điều 29 hiến-pháp Việt-Nam Cộng-hòa đã nói.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) Mái trường anh học, đường phố anh đi là do sự đóng góp của toàn dân. Câu nói trên đã cho anh một ý niệm gì về thuế khóa ? Tại sao đóng thuế lại là một bổn phận của mỗi người công dân ?

2) Một người bạn anh là nhà buôn muốn tìm cách để trốn thuế. Anh dùng lời lẽ giải thích cho người bạn đó hiểu nhiệm-vụ đóng thuế của mỗi người công-dân.

3) Có mấy loại thuế ? Tại sao chính phủ thường thích tăng thuế gián thu hơn là tăng thuế trực thu ?

4) Anh hãy giải thích điều thứ 29 đoạn 4 của Hiến-pháp Việt-Nam : « Mọi người công dân đều có nhiệm vụ góp phần vào sự chi tiêu công cộng tùy theo khả năng đóng góp của mình ».

ĐỀ XX

« Người ta thường nói : « Quyền bầu cử là một quyền-lợi và cũng là nhiệm-vụ của người công-dân ». Anh hãy giải-thích vì sao bầu-cử vừa là một quyền-lợi vừa là một bổn-phận công-dân ».

I. HƯỚNG-DẪN

Trong bài này, ta cần đặt một sự liên-hệ mật-thiết giữa quyền bầu cử và bổn phận bầu cử. Mỗi người dân khi sử dụng quyền của mình, đồng thời lại làm một nhiệm-vụ.

Ta không nên đi sâu vào những chi tiết vụn vặt không cần thiết ví dụ như bầu cử theo hình thức nào, những nguyên tắc của một cuộc bầu cử dân chủ... Những vấn-đề đó không thuộc phạm-vi bài này. Nói đến là thừa.

Ta chỉ cần chứng minh bầu cử là một quyền, quyền đó do ở đâu tới. Có phải do ở trên ban cho không hay là do tranh-đấu mà dành được. Tại sao lại coi là một bổn phận ? Nếu đã là một bổn phận thì ta phải làm thế nào ? Nếu ta không sử dụng quyền đó thì có ai bắt buộc được ta không ? Ta có phạm tội gì không ? Đây là tất cả những vấn đề nêu ra và cần phải được giải quyết.

Thân bài nên chia làm 2 phần :

- *Bầu-cử là một quyền-lợi.*
- *Bầu-cử là một bổn-phận.*

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Ngày nay tại hầu hết các nước trên thế-giới kể cả những nước còn theo chế-độ quân-chủ, người dân đều có quyền cầm lá phiếu đi bầu những người đại diện cho mình vào các cơ-quan dân biểu. Đó là quyền bầu cử. Dân Việt-Nam chúng ta tuy mới tập sự dân chủ nhưng cũng đã nhiều lần sử dụng quyền này. Mỗi lần sử dụng như vậy, ta lại rút thêm được nhiều kinh-nghiệm quý giá và ta càng nhận thấy rõ rằng bầu cử không những là một quyền lợi mà còn là một bổn phận nữa.

Thân bài :

1) Bầu-cử là một quyền-lợi

Nếu ta nhìn vào lịch sử đấu tranh của nhân loại thì ta thấy bầu cử là một quyền lợi mà nhân dân thế giới vừa mới giành được trong khoảng thời gian mấy trăm năm gần đây và nhất là quyền phổ-thông đầu phiếu thì phải chờ mãi đến sau trận đại chiến thứ I mới bắt đầu thực hiện. Thời thượng cổ Hi-Lạp La-Mã, chỉ có một tối thiểu số công dân được quyền đi bầu. Thời đó ngoài La-Hi ra không ở đâu người dân được hưởng cái đặc quyền đó. Dưới thời phong-kiến, nhà vua nắm hết cả các quyền trong tay và thay trời trị dân. Dĩ nhiên là người dân không có một chút quyền hành nào kể cả quyền được tự-do xử-dụng bản thân con người mình. Việc nước không phải việc của họ mà là việc của vua quan. Những người cai trị họ là những người mà người ta đặt lên đầu họ. Họ không có quyền được biết những người đó ở đâu tới, do ai cử ra. Họ chỉ việc cúi đầu vâng lệnh.

Nhưng người dân không chịu áp bức mãi. Họ nổi dậy đấu tranh và dần dần đã giành được quyền tự mình định đoạt lấy số phận của mình. Từ ngày dân chúng giành lại được chủ-quyền trong tay bọn vua chúa thì họ cũng bắt đầu sống một cuộc sống tự-do và dân-chủ. Họ được quyền đi bỏ phiếu để tự mình chọn những người thay mặt mình trị nước. Những người đó không thể nào phản lại quyền lợi của dân được vì dân vẫn nắm chủ quyền trong tay và chỉ nhường lại quyền sử dụng cho họ mà thôi. Như vậy tức là với quyền bầu cử, người công dân đã gián tiếp tham chính. Tại nhiều nước, như ở nước ta chẳng hạn, người dân còn được quyền chọn lựa chế độ mà mình sẽ theo. Ví dụ như ngày 23-10-1955 dân-chúng đã đi bỏ phiếu để chọn lựa giữa Ngô Tổng-Thống và Bảo-Đại, chọn lựa chế độ quân-chủ hay chế-độ cộng-hòa. Ở Hoa-kỳ, cứ mỗi khi người dân đi bầu Tổng-Thống thì dư luận thế giới lại sôi nổi, bởi vì tùy ở sự lựa chọn của nhân dân Hoa kỳ mà bộ mặt thế giới có thể thay đổi chút ít. Bởi vì quyền bầu cử quan trọng như vậy nên khi sử dụng nó nhân dân cần phải hết sức thận trọng không nên nghe theo những lời đường mật của một số chính-trị gia con buôn và phải suy xét chọn người cho đúng. Nhưng thận trọng không có nghĩa là không sử dụng. Nhiều người cho rằng mình có quyền thì quyền đó mình muốn sử dụng hay không tùy ý. Vậy mình có quyền đi bầu hay có quyền không đi bầu. Không ai có thể bắt buộc chúng ta. Quan-niệm như vậy là một quan-niệm lỗi thời bởi vì với tính cách quan-trọng của nó, bầu-cử không những là một quyền-lợi mà còn là một nhiệm-vụ công-dân nữa.

2) Bầu cử là một nhiệm-vụ công-dân

Tại sao lại coi là một nhiệm-vụ ? Bởi vì đứng về phương diện cá nhân người công dân thì đó là một quyền. Nếu quyền đó không xâm phạm đến-ai thì người công dân được tự do xử-dụng hay không xử-dụng. Nhưng bầu cử không phải là một quyền cá nhân. Người đi bầu bỏ phiếu để thực hiện một đường lối chính-trị có liên-quan đến một số rất đông người. Những quyết định cá nhân của họ có thể làm đảo lộn cả một tình thế xã-hội, ảnh hưởng đến vận mạng của cả một quốc-gia. Ta chỉ cần nhìn vào cuộc bầu cử tổng-thống Hoa-kỳ thì sẽ rõ. Khi Ứng-cử viên của 2 phe lượm được một số phiếu xấp xỉ ngang nhau thì mỗi lá phiếu của người dân bỏ cho phe nào có một giá trị rất lớn lao. Nó ảnh-hưởng đến đường lối chính-trị của Hoa-kỳ mà lại còn có thể thay đổi cả cục-diện thế-giới nữa.

Khi đã nhận thức rõ ràng như vậy thì ta thấy bầu cử không còn chỉ là một quyền cá-nhân thuần-túy như nhiều người tưởng. Bầu-cử còn là một bổn-phận xã-hội nữa. Nhưng khi nói tới bổn-phận, nhiều người nghĩ ngay tới sự bắt buộc. Người công-dân sẽ bắt buộc phải đi bầu. Như vậy thì còn gì là dân-chủ ? Chúng ta cần hiểu rõ nghĩa chữ bắt buộc ở đây. Bắt buộc đây không có tính cách một sự bắt buộc vật chất : người ta đến tận nhà mình nắm tay bắt mình đi đến phòng bỏ phiếu, hoặc người ta dí súng bắt mình phải bầu cho ai. Không ! sự bắt buộc đây hoàn toàn có tính-cách tinh-thần. Nghĩa là không có một quyền lực gì bên ngoài bắt buộc người dân phải đi bầu. Người dân đi bầu là tự ý họ thấy họ có nhiệm-vụ phải đi bầu. Chính quyền-lợi

của họ đã tạo ra nhiệm-vụ đó. Nếu họ không đi bầu, chẳng ai bắt buộc được họ. Nhưng thử hỏi : nếu nhiều người cũng giữ thái-độ đó thì tình trạng sẽ ra sao ? Quốc-hội được cử ra vì thiếu sự tham-gia của họ nên không có tính cách đại diện cho toàn dân, ví dụ như nó chỉ đại diện cho một thiểu số người có xu hướng chính trị rõ rệt. Lúc đó pháp-luật làm ra sẽ thiên lệch. Vì thiếu sự tham-gia của một số lớn công-dân vào công cuộc bầu cử, nền dân-chủ có thể bị đe dọa, nạn độc-tài đảng trị có thể xảy ra.

Lúc đó người công-dân không thể cứ ngồi im mãi được. Người ta sẽ lôi họ ra đường, bắt họ tham gia việc này, bắt họ tham gia việc khác dưới sự đe-dọa của báng sủng và lưỡi lê. Lúc đó họ sẽ hối tiếc là tại sao trước kia họ đã không chịu sử-dụng quyền đi bầu của mình. Lúc đó họ mới thấy rõ bầu cử không phải chỉ là một quyền lợi mà còn là một bổn phận đó. Nếu mình không làm tròn bổn phận thì không những quyền-lợi cá-nhân mình bị đe dọa mà cả quyền lợi xã-hội nữa.

Kết-luận : Bởi thế cho nên một người công-dân giác-ngộ quyền-lợi của mình không bao giờ bỏ qua không sử dụng quyền bầu cử vì họ coi đó là một bổn phận thiêng liêng của người dân dưới chế-độ dân-chủ.

Vì nhận thức thấy rõ điều đó nên hiến pháp Việt-Nam Cộng-Hòa khi nói đến quyền bầu cử của người công-dân vừa đặt nó vào phần quyền lợi công dân (điều thứ 18) và vừa gián tiếp nhắc đến nó trong phần nhiệm-vụ công-dân : mọi người dân đều có nhiệm-vụ bảo-vệ tổ-quốc, chính thể Cộng-hòa, nền tự-do dân-chủ. Một trong những nhiệm-vụ

đó là đi bầu để kiện-toàn và củng-cố chế-độ Cộng-hòa. Và cũng vì thế cho nên trong chương-trình Công-dân Giáo-dục đã sắp quyền bầu cử vào phần những nhiệm-vụ công-dân.

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) Thế nào là một cuộc bầu cử dân chủ và tự do ? Một cuộc bầu cử dân chủ phải cần có những điều kiện gì ?

2) Tại nước ta, dân chúng Việt-Nam được sử dụng quyền bầu cử từ bao giờ và đã sử dụng quyền đó như thế nào ?

ĐỀ XXI

« Các cụ ta ngày xưa thường chủ trương : « Trung thần bất sự nhị quân ». Anh chị hãy phê bình quan-niệm trên ».

I. HƯỚNG-DẪN

Những người chủ-trương quan-niệm trên phần nhiều là những người tiết tháo, ngay thẳng, có tư cách đạo đức, những nhà nho khí-khái nhưng nhiều khi hẹp hòi cố chấp, thiếu thực-tế. Chủ trương đó nhiều khi trở nên tai hại. Ngày nay không thể chấp nhận quan-niệm trên vì quốc-gia chỉ có một mà những người nắm chính-quyền thì thay đổi luôn. Chỉ áp-dụng trong trường-hợp ngoại xâm : giữ thái-độ bất hợp tác đối với kẻ xâm-lược. Thân bài chia làm 2 phần :

- Những điểm bào chữa cho quan-niệm trên.
- Những điểm phản-đối quan-niệm trên.

II. KHAI TRIỂN

Vào bài : Ngày xưa ở nước ta mỗi khi có triều đại đổi thay có một số người xưa đã thờ cự trào, treo ấn từ quan ra về. Sống một cuộc đời thanh bần nơi thôn dã, cam chịu thiếu thốn khổ sở chứ không chịu ra thờ tân trào. Có người muốn đến thuyết-phục họ ra làm quan thì họ chỉ mỉm cười trả lời : « trung thần bất sự nhị quân ». Vậy chúng ta hãy thử phê bình quan-niệm trên.

Thân bài :

1) Những điểm bào chữa cho quan-niệm trên

Xét cho kỹ, những nhà nho chủ-trương quan-niệm trên cũng có cái lý của họ :

- Họ phần nhiều là những người có tài, có đức, những kẻ có tài có đức thường không mấy khi chịu phục những kẻ đi cướp ngôi của người khác, những kẻ mà họ cho là phản thần hay bạo chúa, hôn quân không đáng để cho họ tôn thờ.

- Họ là những người đã chịu đầy ơn mưa móc của triều đại trước nên không cam tâm ra thờ vua mới. Họ không muốn để người đời chê họ là bội bạc, ham danh lợi quên nghĩa xưa.

- Họ thường là những nhà nho chân-chính, thãm-nhuần đạo đức Khổng-Mạnh, không bao giờ chịu làm một việc gì trái với đạo đức.

- Họ thường được dư-luận ủng-hộ và kính trọng, điều khiển cho họ lấy làm hãnh-diện. Nhiều khi tân trào cũng phải kính nể vì họ biết những người đó mới thực là những người trung nghĩa, một lòng vì chúa.

- Còn những kẻ bỏ ngay vua này thờ vua khác, phù thịnh chứ không phù suy, những kẻ đó phần nhiều là những người phản trắc, ham danh-lợi, thiếu đạo-đức, tư cách đê-hèn đáng khinh.

Vì những lý do đó ta thấy có nhiều vị tôi trung nhất định không chịu ra thờ vua mới dù họ biết vua mới là một bậc minh-quân đáng tôn kính, dù họ biết vua cũ là một hôn quân bạo chúa, giòng họ cũ không thể nào quay trở về ngôi

báu được. Họ quyết noi gương Bá-Di-Thúc Tề thà nhịn đói còn hơn ăn gạo nhà Chu.

2) Những điểm phản-đôi quan-niệm trên

Thái độ đó xét ra có phần hẹp hòi và cố chấp.

a) Chính Khổng-Tử đã nói : « Thiên hạ không phải của riêng ai, ai có đức thì được, ai làm điều ác thì mất ». Điều đó thực là rõ ràng. Chỉ có những minh quân mới đáng được tôn thờ. Một người cứ nhất định trung thành với một vị hôn quân không chịu ra thờ minh chủ là kẻ cố-chấp không hiểu rõ tinh thần của đạo Khổng.

b) Mạnh-Tử và Tuân-Tử là 2 vị đại nho đã từng chủ trương người dân có quyền giết một vị bạo chúa như ta giết một tên hung ác : « Tru bạo quốc chi quân nhược tru độc phu ». Vậy thì một nhà nho chân chính không thể cứ thờ mãi một vị hôn quân vì nhiều khi phải biết vì thiên hạ trừ vị vua đó đi để tôn thờ một minh chủ. Những người đó không phải là những người phản trắc, không thể lấy thuyết « trung thần bất sự nhị quân » ra để chỉ trích họ.

Đứng về quan-điểm chúng ta ngày nay mà xét thì quan niệm đó chỉ có thể áp dụng trong một trường hợp mà thôi. Đó là trường hợp đất nước bị kẻ thù xâm lược, chiếm đóng, chúng tổ-chức một chính-quyền bù-nhìn để cai-trị. Lúc đó ta thấy các nhân-sĩ tiết-tháo thà chịu lui về ở ẩn chứ không chịu ra làm việc cho ngoại-bang. Đó là thái-độ của một số lớn nhà nho danh tiếng của ta dưới thời Pháp thuộc : Nguyễn Khuyến, Phan văn-Trị, Huỳnh-Mẫn-Đạt, một thái độ

đấu tranh tiêu-cực trái với thái độ đấu tranh tích cực của các nhà ái-quốc Phan-Bội-Châu, Phan-Châu-Trinh.

Còn trong các trường hợp khác, áp-dụng quan-niệm đó là lỗi thời. Vì như chúng ta đều biết, chủ quyền trong nước ngày nay không còn phải ở trong tay một vị vua nữa mà là ở trong tay quốc-gia. Quân quyền đã bị đập đổ và ngày nay mỗi người dân có nhiệm-vụ phải trung với nước chứ không phải với cá nhân nào dù cá nhân đó quyền cao chức trọng đến đâu. Dưới thời đại dân-chủ, chính quyền là do dân cử ra nên các chính phủ thường hay luôn luôn thay đổi để cho những người đại diện của dân có dịp luân phiên nhau nắm chính quyền. Một người dân không thể nói là tôi chỉ làm việc với chính phủ này mà không chịu làm việc với chính-phủ kia. Vì một khi ra làm việc là người dân làm việc cho quốc-gia, phụng-sự quyền lợi của quốc-gia. Bất cứ chính-phủ nào đại diện chân chính cho quốc gia thì người dân vẫn phải tuân theo vì tuân theo lệnh chính-phủ tức là phục-vụ quốc-gia chứ không phải là phục tùng một ông vua nào. Vậy dưới thời đại dân-chủ này ta không nên suy tôn một cá nhân nào, tôn thờ họ lên như thần như thánh để rồi sau này khi vì một cơ gì họ phải xuống thì đâm ra nhớ tiếc và có một thái độ tương tự thái độ « Trung thần bất sự nhị quân » như các nhà nho ta xưa. Dù ai lên nắm chính quyền chẳng nữa, chúng ta bao giờ cũng phải có nhiệm-vụ trung-thành với quốc-gia, đem hết khả-năng mình ra phục vụ quốc-gia, sẵn lòng hy-sinh quyền-lợi mình cho quyền-lợi quốc-gia, sẵn sàng bảo vệ bờ cõi quốc-gia chống kẻ xâm lăng, và trong trường hợp nước mình bị chiếm đóng, cương quyết bất hợp

tác với quân thù và tranh đấu giải phóng đất nước. Đó mới là thái-độ của một kẻ tôi trung thời nay.

Kết-luận : Thái-độ « Trung thần bất sự nhị quân » là một thái-độ có một phần nào đúng. Nhưng xét chung ra thì nó có tính cách hẹp hòi và cố chấp và nhiều khi cũng phản lại cả tinh thần nho-giáo nữa. Nhất là ngày nay, trừ trường hợp một nước bị ngoại bang chiếm đóng, quan-niệm đó khó lòng có thể áp-dụng được vì trung ngày nay không còn phải là trung với vua nữa mà là trung với nước và khi đã trung với nước thì trừ trường hợp ngoại bang chiếm đóng, không có vấn đề « Trung thần bất sự nhị quân ».

III. ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHỊ

1) *Một học sinh như anh có thể làm được những gì-để phụng sự tổ-quốc ?*

2) *Một nhà văn hào Pháp đã viết : « Sung sướng cho những người đã chết trong một cuộc chiến-tranh chính-nghĩa ». Thế nào là một cuộc chiến-tranh chính-nghĩa. Chết trong một cuộc chiến-tranh chính-nghĩa tại sao lại sung sướng ?*

= HẾT =

